

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 27/10/2021)

# TNG

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 74/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 4 năm 2022)

### ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày 29/03/2022.

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Địa chỉ: Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.856425

Fax: 02083.852060

Website: <https://tng.vn/>

Email: [info@tng.vn](mailto:info@tng.vn)

#### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

#### 3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đào Đức Thanh

Chức vụ: Trưởng kiểm toán nội bộ

Điện thoại: 0902 036 234

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 27/10/2021)

**CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**

<b>Tên trái phiếu:</b>	Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
<b>Loại trái phiếu:</b>	Trái không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
<b>Mệnh giá:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Giá chào bán:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Tổng số lượng trái phiếu chào bán:</b>	3.000.000 trái phiếu
<b>Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:</b>	300.000.000.000 đồng ( <i>Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng</i> )
<b>Kỳ hạn trái phiếu:</b>	04 năm
<b>Lãi suất:</b>	10%/năm

**1. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI****Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 020462 883 568

Website: [www.deloitte.com](http://www.deloitte.com)

**MỤC LỤC**

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....6**

1. Tổ chức phát hành .....6

2. Tổ chức tư vấn và đại lý phát hành .....6

**II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....7**

1. Rủi ro về kinh tế .....7

2. Rủi ro về luật pháp .....9

3. Rủi ro đặc thù ngành .....9

4. Rủi ro về đợt chào bán .....11

5. Rủi ro về quản trị công ty.....11

6. Rủi ro khác .....11

**III. CÁC KHÁI NIỆM.....12**

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....13**

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành .....13

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....13

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành .....15

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành .....15

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .. 24

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty .....27

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....42

8. Hoạt động kinh doanh .....43

9. Thông tin về cổ đông lớn .....60

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ủy Ban kiểm toán, Kế toán trưởng.....63

11. Chính sách cổ tức .....77

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....77

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....77

14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....79

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....80

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .....80**

1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....80

2. Tình hình tài chính .....82

3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	89
4.	Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....	90
5.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	90
6.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	92
<b>VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>		<b>93</b>
1.	Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG năm 2021 ..	93
2.	Mã trái phiếu: TNGH2226001 ..	93
3.	Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không được bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. ....	93
4.	Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu ..	93
5.	Tổng số lượng trái phiếu chào bán.....	93
6.	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.....	93
7.	Kỳ hạn trái phiếu: 04 năm.....	93
8.	Lãi suất cố định: 10%/năm.....	93
9.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc .....	94
10.	Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu .....	94
11.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/châm dứt hoạt động.....	94
12.	Quyền của người sở hữu trái phiếu .....	95
13.	Việc mua lại trái phiếu trước hạn .....	96
14.	Phương thức phân phối .....	98
15.	Đăng ký mua trái phiếu .....	99
16.	Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu.....	101
17.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu .....	102
18.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành: .....	102
19.	Các loại thuế có liên quan .....	102
20.	Thông tin về các cam kết.....	103
21.	Sự kiện vi phạm.....	103
<b>VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>		<b>105</b>
<b>VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>		<b>105</b>
1.	Kế hoạch sử dụng vốn.....	105
2.	Kế hoạch trả nợ .....	106
<b>IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>		<b>107</b>
<b>X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ .....</b>		<b>108</b>
<b>XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>		<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>XII. PHỤ LỤC .....</b>		<b>110</b>

**BẢNG**

<i>Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty.....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 01/10/2021 .....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 3: Các đơn vị trực thuộc công ty .....</i>	<i>43</i>
<i>Bảng 4: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty .....</i>	<i>46</i>
<i>Bảng 5: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2019, 2020 và 09 tháng đầu năm 2021 .....</i>	<i>48</i>
<i>Bảng 6: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2019,2020 và 09 tháng đầu năm 2021 của TNG.....</i>	<i>48</i>
<i>Bảng 7: Doanh thu công ty mẹ theo sản phẩm năm 2019,2020 và 09 tháng đầu năm 2021 của TNG.....</i>	<i>48</i>
<i>Bảng 8: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2019,2020 và 09 tháng đầu năm 2021 của TNG.....</i>	<i>49</i>
<i>Bảng 9: Tình hình tài sản của công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2019 .....</i>	<i>50</i>
<i>Bảng 10: Tình hình tài sản của công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2019.....</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 11: Tình hình tài sản của công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2020 .....</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 12: Tình hình tài sản của công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2020.....</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 13: Tình hình tài sản của công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2021 .....</i>	<i>52</i>
<i>Bảng 14: Tình hình tài sản của công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/09/2021 .....</i>	<i>52</i>
<i>Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của công ty mẹ .....</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 16: Doanh thu theo thị trường hoạt động của công ty hợp nhất.....</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 17: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TNG trong giai đoạn 2019-09 tháng đầu năm 2021.....</i>	<i>55</i>
<i>Bảng 18: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.....</i>	<i>60</i>
<i>Bảng 19: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....</i>	<i>61</i>
<i>Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2019, 2020 và 09 tháng đầu năm 2021.....</i>	<i>80</i>
<i>Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất năm 2019,2020 và 09 tháng đầu năm 2021.....</i>	<i>80</i>
<i>Bảng 22: Chi tiết các khoản phải thu của công ty hợp nhất.....</i>	<i>82</i>
<i>Bảng 23: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ .....</i>	<i>82</i>
<i>Bảng 24: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2020 của công ty hợp nhất.....</i>	<i>82</i>
<i>Bảng 25: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2020 của công ty mẹ .....</i>	<i>83</i>
<i>Bảng 26: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của công ty hợp nhất .....</i>	<i>83</i>
<i>Bảng 27: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của công ty mẹ.....</i>	<i>84</i>
<i>Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất .....</i>	<i>85</i>
<i>Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả công ty mẹ .....</i>	<i>86</i>
<i>Bảng 30: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty hợp nhất.....</i>	<i>86</i>
<i>Bảng 31: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ .....</i>	<i>87</i>
<i>Bảng 32: Tình hình trích lập các quỹ của công ty hợp nhất.....</i>	<i>87</i>
<i>Bảng 33: Tình hình trích lập các quỹ của công ty mẹ .....</i>	<i>88</i>
<i>Bảng 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty hợp nhất.....</i>	<i>88</i>
<i>Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ .....</i>	<i>88</i>
<i>Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ .....</i>	<i>90</i>



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Văn Thời	Chức vụ: <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Chức vụ: <b>Tổng giám đốc</b>
Bà Trần Thị Thu Hà	Chức vụ: <b>Kế toán trưởng</b>

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Bà: **Nguyễn Thị Thanh Vân** Chức vụ: **Phó giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư**  
(Theo Giấy ủy quyền số 72/2020/MBS-UQ ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 41/2021/MBS/IBHN1-HĐTV ngày 10 tháng 09 năm 2021 với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

### 1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

#### 1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn năm 2017-2019, nền kinh tế Việt Nam phát triển tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017, 2018, 2019 đạt lần lượt là 6,81%; 7,08% và 7,02% đều vượt mục tiêu do Quốc Hội đề ra.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid – 19 khiến cho nền kinh tế bị đình trệ, Việt Nam vẫn ghi nhận một năm có mức tăng trưởng GDP dương đạt 2,88%, thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, dịch bệnh Covid – 19 với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

#### 1.2 Rủi ro lạm phát

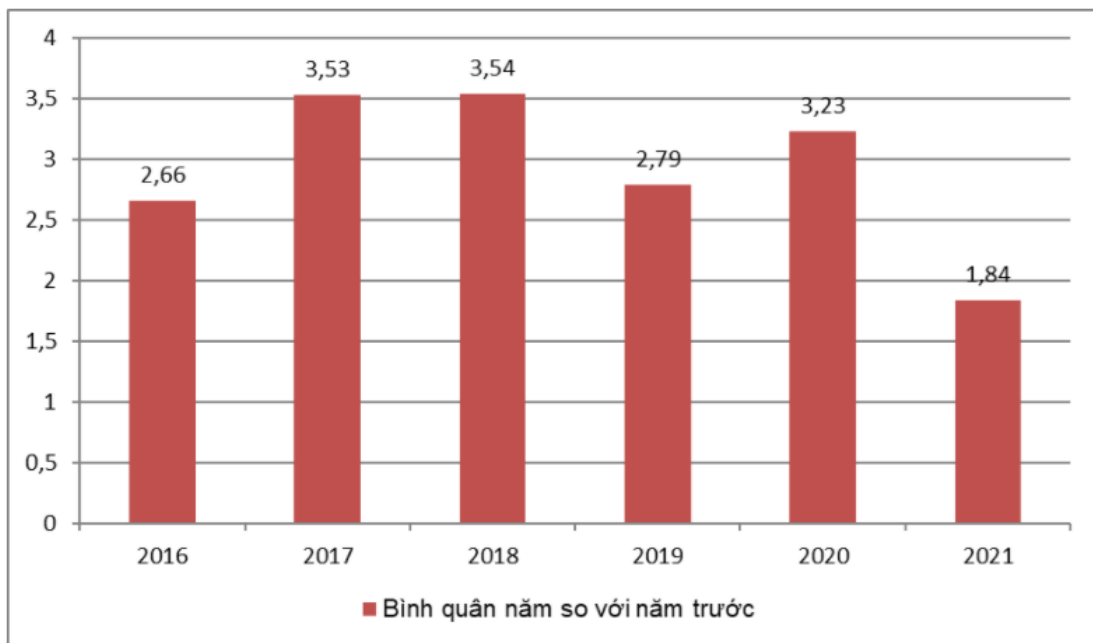
Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là giá thịt lợn) nhưng tác động của dịch Covid – 19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2020. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23% so với năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Hình 1: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2021 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.



## 2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Ví dụ như đối với thị trường Hoa Kỳ, thuế suất hiện nay đang áp dụng đối với sản phẩm dệt may đang là 17 – 18%, 0% là thuế suất áp dụng cho sản phẩm dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU. Tuy nhiên, theo công hàm số 14-575 ngày 28/09/2021 của Ủy ban Kinh tế Á Âu (EEC), các mặt hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu vào Liên minh Kinh tế Á Âu (EAEU) vượt mức ngưỡng hạn ngạch thuế quan ưu đãi nhập khẩu quy định cho năm 2021 trong 7 tháng đầu năm theo quy định tại Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA). Do đó, đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, hàng dệt may có nguy cơ bị áp dụng biện pháp phòng vệ ngưỡng. Theo đó, tùy thuộc vào lượng xuất khẩu vượt ngưỡng, các mặt hàng dệt may của Việt Nam sẽ bị áp mức thuế tối huệ quốc (MFN) trong thời hạn 06 tháng hoặc 09 tháng.

Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung, tiêu chuẩn cao hơn từ nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Công ty.

Được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

## 3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Công ty.

### 3.1. Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia,... có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh

tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng...

### 3.2. *Rủi ro về thị trường*

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... từ các thị trường này.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

### 3.3. *Rủi ro về nguyên vật liệu*

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

### 3.4. *Rủi ro tỷ giá*

Doanh thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động gia công xuất khẩu các sản phẩm may mặc, nguồn thu này chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nguyên vật liệu của Công ty cũng được nhập phần lớn từ các đối tác nước ngoài. Do đó, việc biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### 3.5. *Rủi ro về nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may. TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài.

#### 4. Rủi ro về đợt chào bán

##### *Đợt chào bán có thể không thành công như dự kiến*

Hiện tại, thị trường trái phiếu có nhiều yếu tố thuận lợi nhờ lãi suất huy động thấp, thị trường chứng khoán tăng trưởng trong thời gian ngắn. Nhiều nhà đầu tư tổ chức và cá nhân đang tìm kiếm cơ hội đầu tư sản phẩm lãi suất cố định.

Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và không có gì bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

##### *Rủi ro sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán*

Do đặc thù liên quan đến mục đích chào bán của Trái Phiếu (như được trình bày tại mục VII của Bản Cáo Bạch này), việc sử dụng vốn thu được sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ Chức Phát Hành có thể hoàn tất chào bán đúng như thời gian dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán bị kéo dài, Tổ Chức Phát Hành có thể sẽ không sử dụng vốn thu được để thanh toán cho các khoản vay khác của Tổ Chức Phát Hành như kế hoạch dự tính. Tổ Chức Phát Hành sẽ luôn nỗ lực để phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ hoàn tất việc chào bán như dự kiến, tuy nhiên nếu trường hợp như được nêu trên xảy ra, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm có liên quan khác.

#### 5. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.

#### 6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.**

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Công ty/TNG	:	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
MBS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CK	:	Chứng khoán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
CĐ	:	Cổ đông
ĐVT	:	Đơn vị tính
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
HĐ	:	Hợp đồng
CBTT	:	Công bố thông tin
TPP	:	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Công ty đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
- Tên Công ty viết tắt: TNG
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm
- Trụ sở chính: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: +84 28 03854462
- Fax: +84 28 03852060
- Vốn điều lệ: 926.987.790.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm hai mươi sáu tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) – Mã ngành 1410
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu: TNG
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX)

##### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.

Ngày 07/5/1981, theo Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái, Xí Nghiệp May Bắc Thái đã sáp nhập Trạm May mặc Gia công thuộc Ty thương nghiệp vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên. Năm 1981 doanh thu của Công ty tăng gấp đôi năm 1980.

Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.

Năm 1992, Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 1997, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái Nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.

Năm 2000, Công ty là thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).

Ngày 02/01/2003, Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.

Năm 2006, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

Ngày 18/03/2007, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.

Ngày 28/08/2007, Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Ngày 14/11/2007, Công ty được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu. Ngày 22/11/2007, cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chính thức niêm yết trên HNX với mã giao dịch TNG.

Năm 2008, Công ty được Tập đoàn dệt may Việt nam tặng cờ thi đua.

Năm 2009, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II.

Tháng 04 năm 2010, Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyên may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.

Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.

Ngày 13/06/2011, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.

Ngày 31/12/2012, Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.

Ngày 28/1/2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu (Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.

Tháng 2/2015, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.

Tháng 7/2015, Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.

Năm 2016: Khánh thành đưa vào hoạt động Trung tâm thiết kế thời trang TNG và văn phòng làm việc của Công ty.

Năm 2018: Thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 8 chuyên may.

Năm 2019: Khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 16 chuyên may.

Năm 2020: Nhà máy TNG Võ Nhai triển khai theo mô hình nhà máy xanh; TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp Bền vững năm 2020 – lĩnh vực sản xuất

Đến nay TNG có 19 chi nhánh với 278 chuyên may, 2 chi nhánh phụ trợ sản xuất: thêu, giặt công nghiệp, sản xuất thùng túi, bao bì carton, nhà máy in và nhà máy sản xuất bông, chần bông, 1 chi nhánh phát triển hành gia công, 1 chi nhánh bất động sản và 1 chi nhánh

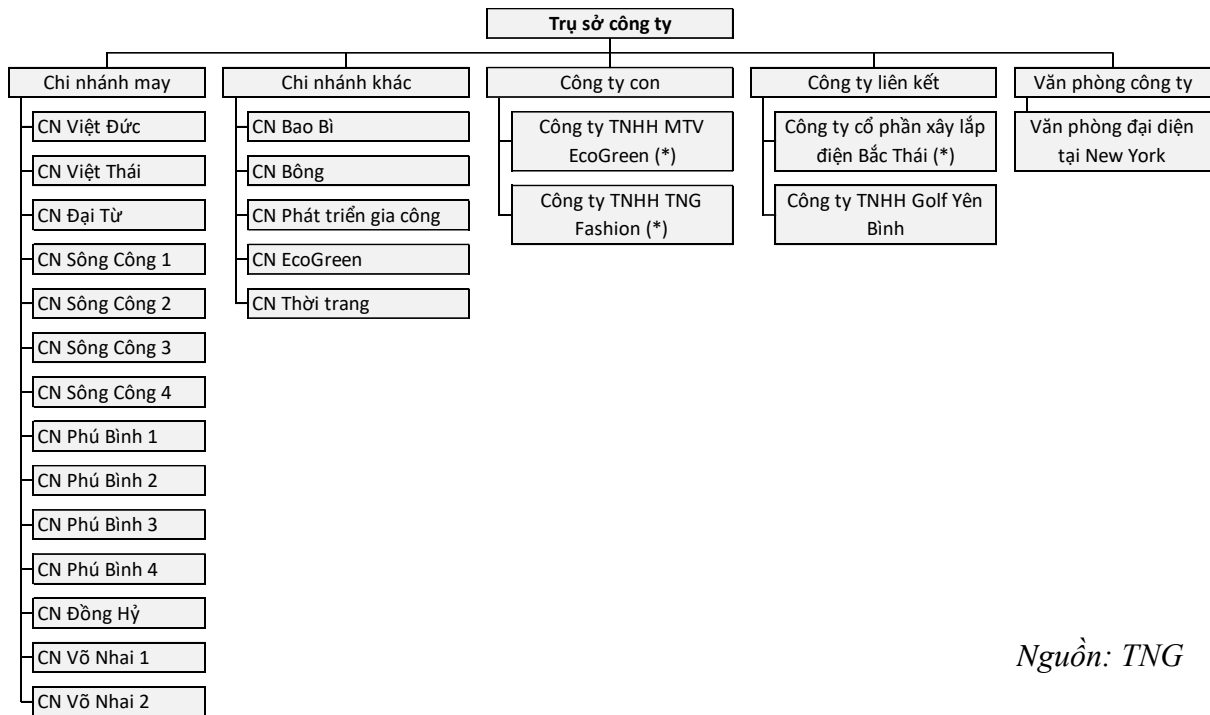


phát triển hàng thời trang nội địa. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản hơn 4.500 tỷ đồng, mỗi năm doanh thu trên 4.500 tỷ đồng, được xếp hạng “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất ngành dệt may Việt nam”.

**3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành**

Hiện nay, TNG sở hữu 19 chi nhánh (16 nhà máy may và 02 nhà máy sản xuất phụ trợ, 01 chi nhánh phát triển hàng gia công, 01 chi nhánh bất động sản, 01 chi nhánh thời trang phát triển hàng nội địa), với 278 chuyên may, 02 công ty con, 02 công ty liên kết.

Hình 01: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TNG

Ghi chú: (\*) Các công ty con và công ty liên kết của Công ty đang tạm dừng hoạt động kinh doanh.

**4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành**

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

**4.1. Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

#### 4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 9 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **4.3. Ủy Ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán có quyền và trách nhiệm như sau:

- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

#### **4.4. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc do HĐQT công ty bổ nhiệm. Trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về các quyết định của mình.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật
- Phó Tổng giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành công ty trong mảng công việc được giao.

**4.5. Các phòng ban**

**4.5.1. Ban kiểm soát tuân thủ**

- Cập nhật và xây dựng các văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản trị rủi ro tại công ty;
- Tổ chức đào tạo, truyền thông, chia sẻ kiến thức về quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- Nhận diện, đánh giá rủi ro, gắn liền với mục tiêu chiến lược, kinh doanh của công ty;
- Đầu mối triển khai quy trình quản lý rủi ro bao gồm nhận diện, đánh giá, xử lý và báo cáo rủi ro đối với các hoạt động của công ty;
- Cập nhật, truyền thông các nội dung pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tư vấn pháp lý, bao gồm thẩm định hệ thống văn bản nội bộ, hợp đồng, giải quyết các sự vụ khiếu nại, tố tụng, tranh chấp liên quan đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
- Cập nhật, xây dựng các tài liệu nội bộ về kiểm soát tuân thủ các hoạt động công ty;
- Triển khai kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban, đơn vị của công ty theo Điều lệ, quy định, quy trình nội bộ;
- Báo cáo định kỳ về công tác tuân thủ định kỳ và các chỉ số quản trị về tuân thủ cho Ban lãnh đạo công ty.

**4.5.2. Phòng tổ chức hành chính**

- Quản trị các thông tin quá trình làm việc của người lao động từ khi vào công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị tiền lương toàn công ty;
- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
  - + Bộ hướng dẫn hồ sơ chuẩn bị đánh giá;
  - + Tiêu chí về đánh giá trách nhiệm xã hội;
  - + Tiêu chí về đánh giá an ninh chống khủng bố;
- Kiểm soát và duy trì việc thực hiện đánh giá khách hàng đảm bảo các đánh giá luôn trong trạng thái còn hạn và đảm bảo yêu cầu của khách hàng.
- Đánh giá chất lượng làm việc theo tiêu chí định lượng cụ thể từ khi người lao động vào học việc/đào tạo tại công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Xây dựng quy trình đào tạo để nâng cao năng lực làm việc cho người lao động từ khi người lao động vào học việc/đào tạo đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị toàn bộ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra trên hệ thống phần mềm đào tạo;
- Xây dựng quy trình và kiểm tra giám sát thực hiện chế độ quyền lợi và các phúc lợi cho người lao động;
- Xây dựng chính sách tạo động lực làm việc cho người lao động (thi đua khen thưởng, kỷ luật);
- Thực hiện công tác hành chính quản trị Văn phòng công ty;

- Tất cả mọi thông tin về con người được thực hiện theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Thực hiện công tác an ninh, bảo vệ đảm bảo an toàn an ninh trật tự tại các nhà máy;
- Thực hiện công tác đánh giá cán bộ.

#### **4.5.3. Phòng Công nghệ thông tin**

- Xây dựng, nâng cấp, triển khai, duy trì hệ thống phần mềm, Email, Website, hệ thống phần mềm ERP;
- Xây dựng, nâng cấp, triển khai, duy trì hoạt động hệ thống thiết bị phần cứng công nghệ thông tin;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;
- Lập trình ứng dụng phần mềm, ứng dụng online;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng công nghệ thông tin tham mưu ban hành.

#### **4.5.4. Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất**

- Đáp ứng đủ đơn hàng cho các nhà máy sản xuất liên tục, ổn định theo kế hoạch HĐQT giao;
- Khai thác và phát triển khách hàng mới theo định hướng chiến lược khách hàng của công ty;
- Quản lý khách hàng của từng chi nhánh đảm bảo việc khai thác khách hàng theo định hướng và tỷ lệ từng khách hàng;
- Thẩm định giá thành phương án kinh doanh (P1) trên phần mềm và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (Doanh thu, Doanh số);
- Đánh giá các nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo phòng tránh rủi ro cho sản xuất kinh doanh của công ty;
- Kiểm soát Cân đối nguyên phụ liệu, kiểm soát đặt mua nguyên phụ liệu theo phương án kinh doanh;
- Kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện quyết toán mã hàng P3, kiểm soát nguyên phụ liệu thành phẩm tồn kho sau sản xuất là thấp nhất;
- Kiểm soát số lượng xuất hàng thừa thiếu;
- Theo dõi, báo cáo thực hiện hợp đồng (Số lượng xuất hàng thừa thiếu theo phương án kinh doanh);
- Theo dõi và đôn đốc công nợ phải thu
- Tham mưu việc xây dựng kế hoạch giao khoán năm của công ty và giám sát thực hiện cân đối năng lực, giao khoán kế hoạch sản xuất theo tháng, năm của từng chi nhánh;
- Giám sát việc dàn chuyen chi tiết, lập kế hoạch sản xuất chi tiết theo từng PO của từng mã hàng theo kế hoạch giao hàng của khách hàng;
- Tổng hợp theo dõi tiến độ sản xuất, tiến độ giao hàng theo kế hoạch giao hàng theo từng PO, mã hàng các chi nhánh;
- Lập báo cáo phân tích năng suất lao động, đề xuất các giải pháp tăng năng suất lao động;
- Báo cáo phân tích và đánh giá chỉ số thực hiện về tỷ lệ giao hàng sớm/đúng hạn/muộn;
- Theo dõi sản xuất, báo cáo ra chuyen hàng ngày;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu doanh số sản xuất;
- Giám sát thực hiện quy trình sản xuất đối với các chi nhánh.

#### **4.5.5. Phòng Xuất nhập khẩu**

- Thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu; làm hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ, để hoàn thiện bộ hồ sơ đòi tiền khách hàng;
- Giao nhận hàng hóa, vận tải nội bộ cho các chi nhánh;
- Báo cáo quyết toán nguyên vật liệu nhập khẩu, thanh khoản hải quan đảm bảo việc quyết toán vật tư nhập khẩu theo quy định của hải quan và đảm bảo yêu cầu và quy định theo thông tư 38-39;
- Báo cáo kim ngạch xuất/nhập khẩu, quản lý chi phí xuất, nhập khẩu, vận tải hàng hóa;
- Đảm bảo việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

#### **4.5.6. Phòng công nghệ**

- Phân tích bố trí công nghệ sản xuất chuyên may, đề xuất ứng dụng thiết bị công nghệ mới;
- Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn cùng cố phần mềm tính đơn giá và xây dựng định mức giá thành chào hàng;
- Áp dụng công nghệ Lean cho sản xuất và phân tích hiệu quả của các sáng kiến cải tiến công nghệ;
- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, dạy nghề;
- Xây dựng, tổ chức thi thợ may giỏi và nâng bậc;
- Xây dựng quy trình may mẫu, thiết kế mẫu đảm bảo đúng tiến độ giao hàng theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Xây dựng thời gian công nghệ theo các dòng sản phẩm;
- Xây dựng quy trình triển khai sản xuất sản phẩm;
- Đào tạo chuyên môn cho nhân viên mới bộ phận kỹ thuật công nghệ;
- Tham gia dự án Sam Pace - Decathlon;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm

#### **4.5.7. Phòng quản lý chất lượng**

##### ***Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)***

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

##### ***Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)***

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;



- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

***Quản trị hệ thống Lab***

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

***4.5.8. Phòng quản lý thiết bị - An toàn vệ sinh lao động***

***Công tác quản lý thiết bị***

- Quản lý máy móc thiết bị;
- Quản lý phụ tùng;
- Quản lý công cụ dụng cụ;
- Quản lý, vận hành hệ thống điện, trạm điện, máy phát; hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể chữa cháy;
- Quản lý hệ thống điều hòa;
- Quản lý hệ thống thang máy;

- Quản lý hệ thống lò hơi;
- Quản lý hệ thống máy nén khí;
- Quản lý chi phí điện, nước, nhiên liệu;
- Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu suất sử dụng các loại máy móc thiết bị;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

***Công tác an toàn vệ sinh lao động***

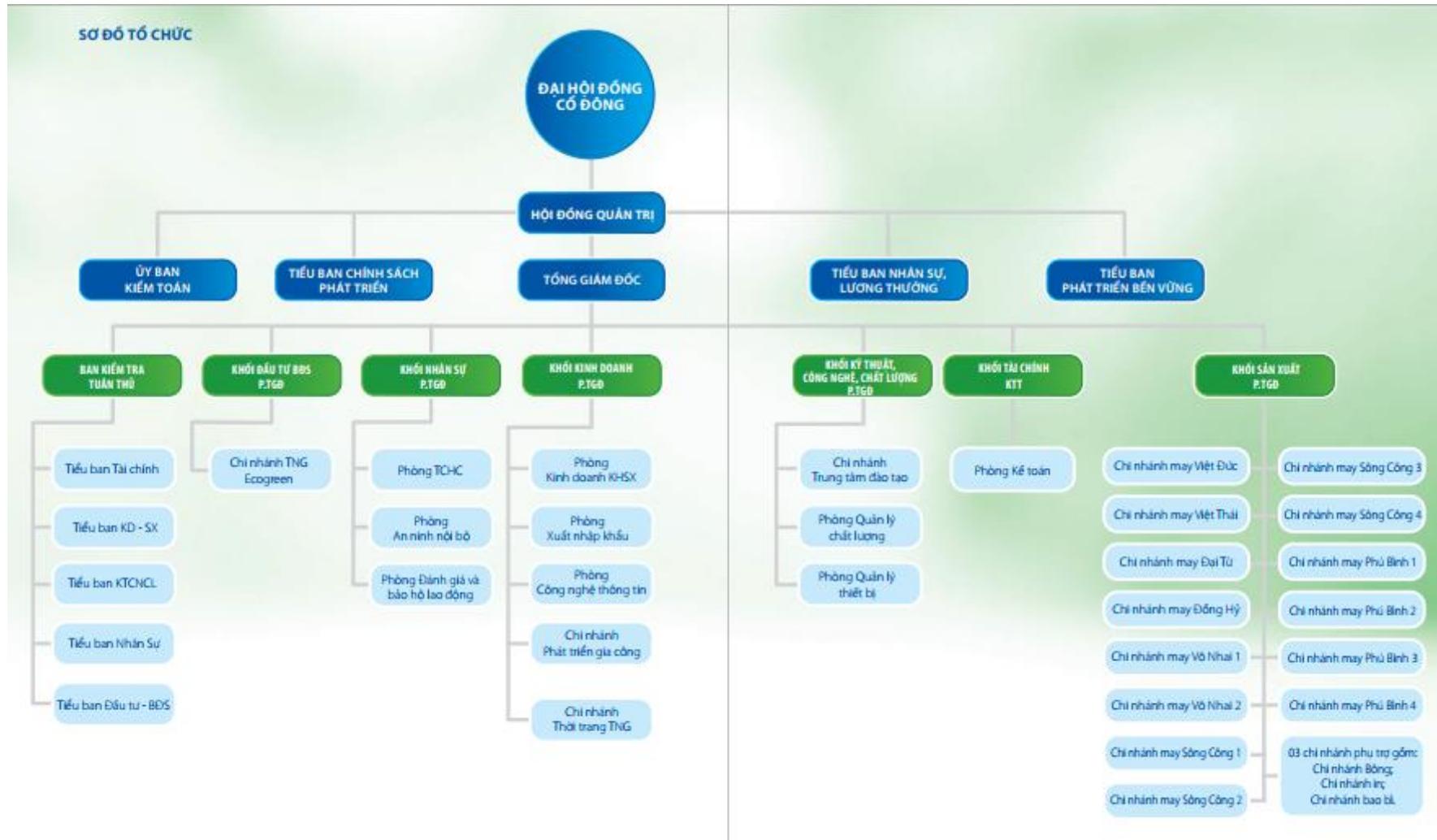
- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
  - + Tiêu chí an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm;
  - + Tiêu chí bảo vệ môi trường và tài nguyên nước
  - + Tiêu chí chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực sơ cấp cứu, bệnh nghề nghiệp;
  - + Tiêu chí về duy trì 5S;
- Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, phòng chống thiên tai;
- Đào tạo nhân viên an toàn tại các đơn vị;
- Quản trị hoạt động của phòng theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm.

**4.5.9. Phòng kế toán**

- Xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính;
- Đào tạo nội bộ;
- Kiểm soát chi phí;
- Kiểm soát hạn mức tín dụng;
- Kiểm soát báo cáo nội bộ;
- Lập, phân tích báo cáo tài chính toàn công ty, công bố báo cáo theo quy định;
- Thực hiện nghiệp vụ cân đối vốn và huy động vốn cho các dự án mà HĐQT giao.
- Thực hiện công tác báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo quy định của nhà nước hiện hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác kế toán tài chính của các chi nhánh trong toàn công ty;
- Kế toán dự án và xây dựng cơ bản;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

Hình 02: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TNG

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành**

Không có

**5.2 Công ty con của tổ chức phát hành**

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/12/2021	
Công ty TNHH TNG Fashion	50.000	-	100%
Công ty TNHH MTV TNG Eco Green	50.000	-	100%

Nguồn: TNG

**5.2.1 Công ty TNHH TNG Fashion**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540335 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thời trang
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

**5.2.2 Công ty TNHH MTV Eco Green**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601534130 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/02/2019
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bất động sản
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

TNG theo đăng ký doanh nghiệp:

(i) Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chưa thực hiện góp vốn vào 2 công ty con là Công ty TNHH TNG Fashion và Công ty TNHH MTV Eco Green. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2019, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, các công ty con này hiện đang tạm dừng hoạt động kinh doanh. Sau khi hết hạn thời gian tạm dừng hoạt động, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG sẽ có kế hoạch góp vốn hoặc giải thể tùy thuộc điều kiện thực tế kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, toàn bộ nguồn doanh thu và lợi nhuận hiện tại cũng như tài sản đang tập trung tại Công ty mẹ. Do đó, việc không thực hiện góp vốn đầy đủ vào các công ty con chỉ có rủi ro về việc phải giảm vốn điều lệ hoặc giải thể các công ty con, nhưng nguồn thanh toán gốc lãi của Công ty vẫn không bị ảnh hưởng.

**5.3 Công ty liên doanh, liên kết**

*Đơn vị: triệu đồng*

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/12/2021	
Công ty cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	1.573,7	771,15	49%
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	300.000	-	49%

*Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG*

**5.3.1 Công ty cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Mã số thuế: 4600100130 do cục thuế tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/09/1998
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.573.775.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 9 năm 2021: 771.150.000 đồng (ii)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

*Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, TNG đã trích lập dự phòng 100% khoản đầu tư này.*

**5.3.2 Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG**

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540430 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động của các cơ sở thể thao (sân golf)
- Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 9 năm 2021: 0 đồng (ii)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

(ii) Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty cổ phần Xây Lắp Điện Bắc Thái và Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2019, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty cổ phần xây lắp điện Bắc Thái đang ngừng hoạt động kinh doanh. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và các cổ đông sáng lập đang tiến hành lên kế hoạch góp vốn hoặc giải thể tùy thuộc điều kiện thực tế kinh doanh của Công ty.

Công ty TNHH Golf Yên Bình đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2022.

Tuy nhiên, toàn bộ nguồn doanh thu và lợi nhuận hiện tại cũng như tài sản đang tập trung tại Công ty mẹ. Do đó, việc không thực hiện góp vốn đầy đủ vào các công ty con chỉ có rủi ro về việc phải giảm vốn điều lệ tại các công ty con, nhưng nguồn thanh toán gốc lãi của Công ty vẫn không bị ảnh hưởng vì việc không thực hiện góp vốn này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



**6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

*Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty*

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2006	10.000	8.000	18.000	800.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/08/2006	Không có
18/03/2007	18.000	36.300	54.300	3.630.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/03/2007	Không có
27/01/2010	54.300	32.575,5	86.875,5	3.257.550	- Chia cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1 - Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009	Không có
10/12/2010	87.200	47.737,75	134.613,25	4.773.775	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/4/2010 - Ngày 10/12/2010, công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phần ra công chúng	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
12/06/2014	134.613,25	13.460,9	148.074,15	1.346.090	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2014</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 300/NQ-HĐQT ngày 7/5/2014</li> <li>- Ngày 20/05/2014, công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</li> <li>- Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Báo cáo kết quả phát hành số 541/TNG-BC ngày 11/6/2014 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành lần thứ 18 ngày 23/6/2014 cho công ty</li> </ul>	Không có
26/12/2014	148.074,15	14.805,31	162.879,46	1.480.531	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 560/NQ-HĐQT ngày 13/4/2014</li> <li>- 18/12/2014 công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</li> <li>- Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<p>nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20 ngày 12/1/2015 cho Công ty</p>	
09/02/2015	162.879,46	56.546,23	219.425,69	5.654.623	<p>Phát hành cho người lao động: 718.813 cổ phần</p> <p>Bán ưu đãi, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đồng/cổ phiếu: 4.935.804 cổ phần</p>	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 247/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/4/2014</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 545/NQ-HĐQT ngày 30/9/2014</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 532/NQ-HĐQT ngày 4/9/2014</p> <p>- Ngày 9/2/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do , sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên</p>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						phát hành lần thứ 21 ngày 6/3/2015 cho Công ty	
20/11/2015	219.425,69	21.939,16	241.364,85	2.193.916	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015</li> <li>- Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày 16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.</li> <li>- Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22 cho công ty với vốn điều lệ là 241.364.850.000 đồng</li> </ul>	Không có
15/01/2016	241.364,85	54.856,42	296.221,27	5.485.642	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua phát hành quyền mua tỷ lệ 4:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015</li> <li>- Nghị quyết HĐQT 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 01A/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016</li> <li>- Nghị quyết HĐQT 01/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016</li> <li>- Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 23 cho công ty với vốn điều lệ là 296.221.270.000 đồng</li> </ul>	
06/09/2016	296.221,27	46.428,51	342.649,78	4.642.851	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chia Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1</li> <li>- Phát hành cho người lao động 1.481.106 Cổ phiếu nhằm hoán đổi cổ phiếu với CTCP Thời</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 05A-TNG-HĐQT ngày 7/6/2016;</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08A-TNG ngày 24/8/2016;</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					trang TNG 200.000 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10A/NQ-HĐQT ngày 22/8/2016;</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 9A/NQ-HĐQT ngày 14/7/2016;</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016;</li> <li>- Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh</li> </ul>	



Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<p>nghiệp lần thứ 24 ngày 30/9/2016 cho Công ty</p>	
12/07/2017	342.649,78	68.523,13	411.172,91	6.852.313	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 656C/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 03A-TNG ngày 18/05/2017;</li> <li>- Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 27/07/2017 cho Công ty</li> </ul>	Không có
03/07/2018	411.172,91	82.228,89	493.401,8	8.222.889	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10/05/2018;</li> <li>- Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu;</li> <li>- Ngày 27/07/2018, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 cho công ty với vốn điều lệ là 493.401.800.000 đồng</li> </ul>	
12/03/2019	493.401,8	24.670,09	518.071,89	2.467.009	Phát hành cho người lao động 2.467.009 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 344/NQHĐQT-TNG ngày 27/02/2019;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 70/NQHĐQT-TNG ngày 15/01/2019;</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2888/NQHĐQT-TNG ngày 6/12/2018;</li> <li>- Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu;</li> <li>- Ngày 05/04/2019, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 27 cho Công ty với vốn điều lệ là 518.071.890.000 đồng.</li> </ul>	
24/06/2019	518.071,89	103.608,09	621.679,98	10.360.809	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 933/NQHĐQT-TNG ngày 03/05/2019;</li> <li>- Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<p>phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 04/07/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 28 cho công ty với vốn điều lệ là 621.679.980.000 đồng.</p>	
13/12/2019	621.679,98	30.434,78	652.114,76	3.043.478	Phát hành 3.043.478 cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018, thành cổ phần phổ thông;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 2433/NQ-NQHĐQT ngày 30/10/2019.</p> <p>- Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành</p>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						3.043.478 cổ phiếu - Ngày 09/01/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 29 cho công ty với vốn điều lệ là 652.114.760.000 đồng	
24/07/2020	652.114,76	52.157,84	704.272,6	5.215.784	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1461/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2020 - Nghị quyết Hội đồng quản trị 1528/NQ-HĐQT ngày 27/5/2020 - Ngày 24/7/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2089/CV-TNG ngày 20/7/2020 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.215.784 cổ phiếu. - Ngày 11/08/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30 cho công ty với vốn điều lệ là 704.272.600.000	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						đồng	
26/08/2020	704.272,6	35.687,45	739.960,05	3.568.745	Phát hành 3.586.745 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020</li> <li>- Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu.</li> <li>- Ngày 30/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng</li> </ul>	Không có
10/03/2021	739.960,05	55.409,46	795.369,51	5.540.946	Phát hành 5.540.946 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020;</li> </ul>	Không có



Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày 26/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 3) số 540 CV/TNG ngày 10/03/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 59 trái phiếu thành 5.540.946 cổ phiếu.</li> <li>Ngày 13/08/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 32 cho công ty với vốn điều lệ là 795.36.951.000 đồng</li> </ul>	
13/10/2021	795.369,51	63.618,28	858.987,79	6.361.828	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1046/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021;</li> <li>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3602/2021/NQQ-HĐQT ngày 18/08/2021;</li> <li>Ngày 13/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 3569/CV-TNG ngày 08/10/2021 của CTCP</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						<p>Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 6.361.828 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 27/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 33 cho công ty với vốn điều lệ là 858.987.790.000 đồng.</p>	
15/11/2021	858.987,79	68.000	926.987,79	6.800.000	Phát hành 6.800.000 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 021121/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021;</p> <p>- Ngày 30/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 4) số 3966/CV-TNG ngày 23/11/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 68 trái phiếu thành 6.800.000 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 10/12/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng</p>	

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 34 cho công ty với vốn điều lệ là 926.987.790.000 đồng	

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

**7.1 Cổ phiếu phổ thông**

*Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 14/01/2022*

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>14.944</b>	<b>84.284.920</b>	<b>90,92%</b>
1	Cổ đông tổ chức	36	1.684.633	1,82%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	14.908	82.600.287	89,11%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>103</b>	<b>8.413.859</b>	<b>9,08%</b>
1	Cổ đông tổ chức	15	8.072.348	8,71%
2	Cổ đông cá nhân	88	341.511	0,37%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.047</b>	<b>92.698.779</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 14/01/2022 của Công ty*

**7.2 Cổ phiếu ưu đãi:**

Không có.

**7.3 Các loại chứng khoán khác:**

▪ **Trái phiếu thường, không chuyển đổi**

Thông tin về các trái phiếu thường đã phát hành và còn số dư trái phiếu như sau:

TT	Nội dung	Dự trái phiếu (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên (%/năm)	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu
1	TNG_BOND_2019_01	136.000	11,5%	2019	2022	Trái phiếu thường, không chuyển đổi không có tài sản bảo đảm
2	TNGH2023001	150.010	10%	2020	2023	Trái phiếu thường, không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm
	<b>Tổng cộng</b>	<b>286.010</b>				

▪ **Trái phiếu chuyển đổi, không tài sản bảo đảm**

Thông tin về các trái phiếu chuyển đổi đã phát hành như sau:

STT	Nội dung	Dự trái phiếu (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên (%/năm)	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Ghi chú
1	TNG_CB_2018	68.000	4,8%	2018	2021	Trái phiếu chuyển đổi	(iii)

(iii) Hiện tại, toàn bộ trái phiếu TNG\_CB\_2018 đã được chuyển đổi thành cổ phiếu. Thông tin chi tiết về trái phiếu này được trình bày tại mục IV.13.2 của Bản Cáo Bạch này.

**8. Hoạt động kinh doanh**

**8.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

**8.1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giăt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Ngoài ra, hiện nay công ty cũng đã phát triển và kinh doanh dòng sản phẩm đồ bảo hộ, khẩu trang y tế phục vụ nhu cầu trong diễn biến đại dịch Covid-19.

Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts. Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Mỹ (42,39% doanh thu xuất khẩu 2020) và Pháp (23,12% doanh thu xuất khẩu 2020).

Đầu năm 2020, TNG đã được cấp chứng chỉ CE (tiêu chuẩn châu Âu), FDA (tiêu chuẩn Hoa Kỳ). Tính đến nay, TNG đã xuất được 26,5 triệu khẩu trang, 1,6 triệu bộ trang phục bảo hộ y tế cho các nước như Anh, Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Tính tới tháng 10/2021, Công ty có 15 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 01 chi nhánh may phục vụ sản xuất bán hàng trong nước, 02 chi nhánh phụ trợ, 01 chi nhánh phụ trách bất động sản, 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ và các cửa hàng thời trang hoạt động trên phạm vi cả nước. Bên cạnh hoạt động xuất khẩu, Công ty đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa dưới thương hiệu TNG. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.

*Bảng 3: Các đơn vị trực thuộc công ty*

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Số chuyên	Lao động	
1	Chi nhánh may Việt Đức	Số 160 Đường Minh Cầu, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	22 chuyên	1.162 người	
2	Chi nhánh may Việt Thái	Số 221 Đường Thống Nhất, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	18 chuyên	827 người	
3	Chi nhánh may Sông Công 1	KCN Sông Công, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	19 chuyên	912 người	
4	Chi nhánh may Sông Công 2		16 chuyên	1.091 người	
5	Chi nhánh may Sông Công 3		40 chuyên	2.160 người	
6	Chi nhánh may Sông Công 4		16 chuyên	955 người	
7	Chi nhánh sản xuất Bao Bì				290 người
8	Chi nhánh sản xuất Bông				191 người
9	Chi nhánh may Phú Bình 1		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	24 chuyên	1.088 người
10	Chi nhánh may Phú Bình 2	16 chuyên		834 người	
11	Chi nhánh may Phú Bình 3	16 chuyên		809 người	
12	Chi nhánh may Phú Bình 4	16 chuyên		745 người	

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Số chuyên	Lao động
13	Chi nhánh may Đại Từ	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	35 chuyên	2.133 người
14	Chi nhánh may Đồng Hỷ	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	13 chuyên	752 người
15	Chi nhánh may Võ Nhai 1	CCN Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.	9 chuyên	588 người
16	Chi nhánh may Võ Nhai 2		10 chuyên	496 người
17	Chi nhánh thời trang TNG	Số 434/1 Đường Bắc Kạn, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	8 chuyên	348 người
18	Chi nhánh phát triển gia công			
19	Chi nhánh EcoGreen			
20	Văn phòng công ty			
21	Văn phòng đại diện tại New York			

*Nguồn: TNG*

Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:







### Quy trình sản xuất và trình độ công nghệ

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các xí nghiệp may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhẩy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/lextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần/năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2,5 triệu mũi/năm.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty



Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 4: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán, bán hàng
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
4	ERP TNG	Quản lý chấm công
5	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
6	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
7	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
8	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhả cỡ
9	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
10	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ

### 8.1.2. Hoạt động kinh doanh Bất động sản

#### ❖ Dự án TNG Village 1

Dự án TNG Village 1 là dự án bất động sản đầu tiên mà TNG đầu tư xây dựng. Đây là một trong những dự án nhà chung cư thương mại đầu tiên ở Thái Nguyên. Một số thông tin về dự án TNG Village 1 như sau:

- Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp.Thái Nguyên
- Quy mô dự án: diện tích đất 2,841m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 19.950 m<sup>2</sup>n với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Pháp lý:
  - ✓ Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
  - ✓ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017
  - ✓ Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019.
  - ✓ Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành và đang tiến hành bàn giao cho khách hàng, và bắt đầu từ ghi nhận doanh thu từ năm 2019, một phần 2020 và một phần năm 2021.

❖ **Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1**

- Vị trí: xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, thành phố Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: 75 ha.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
  - ✓ Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018
  - ✓ Quyết định về phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
  - ✓ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
  - ✓ Quyết định về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1 tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).
  - ✓ Quyết định về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, tại TP Thái nguyên số 1712/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng
- Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 50% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của T.P Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án; từ đó làm cơ sở để giải phóng xong mặt bằng vào cuối năm 2020 và đầu năm 2021.

**8.1.3 Giá trị sản phẩm qua các năm**

❖ **Sản lượng sản xuất**

Bảng 5: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2019, 2020, 2021

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Áo jacket/Quần Cargo short	chiếc	19.350.000	57.912.892	27.712.289
2	Bông tấm	triệu yards	1.759.827	7.738.051	5.263.049
3	Thùng carton	m <sup>2</sup>	354.936	1.891.638	2.404.710
4	Túi PE, PP	kg	42.137	173.181	187.847
5	Giặt công nghiệp	chiếc	2.206.922	5.847.504	3.827.805
6	In công nghiệp	chiếc	2.734.077	12.859.440	6.468.212
7	Thêu công nghiệp	chiếc	941.356	3.309.627	3.521.236

Nguồn: TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ **Doanh thu, lợi nhuận gộp**

Bảng 6: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2019, 2020, 2021 của TNG

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	2.727.515	59,1%	3.583.017	80,0%	3.658.915	67,2%
2	Doanh thu gia công	1.688.256	36,6%	813.120	18,1%	1.731.598	31,8%
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	159.745	3,5%	68.649	1,5%	23.313	0,4%
4	Doanh thu bất động sản	42.026	0,9%	15.414	0,3%	32.314	0,6%
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.617.542</b>	<b>100%</b>	<b>4.480.200</b>	<b>100%</b>	<b>5.446.140</b>	<b>100%</b>
5	Giảm trừ doanh thu	5.318		0		2.212	
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.612.224</b>		<b>4.480.200</b>		<b>5.443.927</b>	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 7: Doanh thu Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2019, 2020, 2021 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	2.727.515	59,1%	3.583.017	80,0%	3.658.915	67,2%
2	Doanh thu gia công	1.688.256	36,6%	813.120	18,1%	1.731.598	31,8%
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	159.745	3,5%	68.649	1,5%	23.313	0,4%
4	Doanh thu bất động sản	42.026	0,9%	15.414	0,3%	32.314	0,6%
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.617.542</b>	<b>100%</b>	<b>4.480.200</b>	<b>100%</b>	<b>5.446.140</b>	<b>100%</b>
5	Giảm trừ doanh thu	5.318		0		2.212	
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.612.224</b>		<b>4.480.200</b>		<b>5.443.927</b>	

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý IV/2021 của TNG

Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất.

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ thể, năm 2020 doanh thu thuần đạt 4.480 tỷ đồng, và trong giai đoạn 2014 – 2020, TNG đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân CAGR là xấp xỉ 24%/năm. Đây được xem là mức tăng trưởng ấn tượng so với trung bình ngành dệt may.

Về cơ cấu, doanh thu bán hàng (FOB) luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu của TNG (khoảng 50% đến 60%). Trong các năm qua, Công ty chuyển hướng tập trung sang sản xuất các sản phẩm phục vụ trong mùa dịch như khẩu trang nano kháng khuẩn hay bộ đồ bảo hộ. Mặc dù xác định xu hướng dài hạn là tăng cường hình thức sản xuất FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

Bảng 8: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2019, 2020, 2021 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1	Lợi nhuận gộp bán hàng	166.375	3,6073%	541.874	12,0949%	544.862	10,0086%
2	Lợi nhuận gộp gia công	578.936	12,5522%	118.179	2,6378%	219.614	4,0341%



TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
3	Lợi nhuận gộp bán sản phẩm thời trang	41.591	0,9018%	10.318	0,2303%	3.264	0,0600%
4	Lợi nhuận gộp bất động sản	4	0,0001%	5.586	0,1247%	6.716	0,1234%
	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>786.906</b>	<b>17,0613%</b>	<b>675.957</b>	<b>15,0877%</b>	<b>774.456</b>	<b>14,2261%</b>
	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>230.111</b>	<b>4,9892%</b>	<b>153.603</b>	<b>3,4285%</b>	<b>232.802</b>	<b>4,2764%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Về lợi nhuận, cơ cấu lợi nhuận của công ty có tỷ trọng không đều, nếu như năm 2019 lợi nhuận gộp chủ yếu đến từ gia công sản phẩm may (CMT) thì sang năm 2021 hơn 10% lợi nhuận gộp đến từ bán hàng (FOB). Nguyên nhân của việc này là do tác động của đại dịch Covid-19 thời điểm nửa đầu năm nay, TNG đã chủ động chuyển hướng tăng cường bán hàng may mặc, các sản phẩm phục vụ dịch vụ như khẩu trang, đồ bảo hộ dẫn đến tăng mạnh tỷ trọng lợi nhuận mảng bán hàng. Mảng bán hàng cũng là mảng có biên lợi nhuận cao hơn mảng gia công cho các hãng thời trang khác.

## 8.2. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2019, 31/12/2020 và báo cáo tài chính do Công ty lập tại ngày 31/12/2021 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2019

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.788.883.340.065</b>	<b>697.010.534.444</b>	<b>1.091.872.805.621</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	780.453.658.909	208.438.463.340	572.015.195.569
Máy móc thiết bị	992.497.393.957	478.372.760.373	514.124.633.584
Phương tiện vận chuyển	9.496.172.515	4.602.342.742	4.893.829.773
Thiết bị văn phòng	4.505.966.051	4.376.146.186	129.819.865
Tài sản khác	1.930.148.633	1.220.821.803	709.326.830
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>40.529.444.412</b>	<b>16.637.487.723</b>	<b>23.891.956.689</b>
Quyền sử dụng đất	16.784.250.377	1.696.717.879	15.087.532.498
Phần mềm	23.745.194.035	14.940.769.844	8.804.424.191

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán của TNG



Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2019

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.788.883.340.005</b>	<b>697.010.534.444</b>	<b>1.091.872.805.621</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	780.453.658.909	208.438.463.340	572.015.195.569
Máy móc thiết bị	992.497.393.957	478.372.760.373	514.124.633.584
Phương tiện vận chuyển	9.496.172.515	4.602.342.742	4.893.829.773
Thiết bị văn phòng	4.505.966.051	4.376.146.186	129.819.865
Tài sản khác	1.930.148.633	1.220.821.803	709.326.830
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>40.529.444.412</b>	<b>16.637.487.723</b>	<b>23.891.956.689</b>
Quyền sử dụng đất	16.784.250.377	1.696.717.879	15.087.532.498
Phần mềm	23.745.194.035	14.940.769.844	8.804.424.191

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán của TNG

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2020

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.067.180.938.827</b>	<b>843.484.619.971</b>	<b>1.223.696.318.856</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	970.838.474.383	249.565.087.824	721.273.386.559
Máy móc thiết bị	1.079.860.018.241	582.092.775.370	497.767.242.871
Phương tiện vận chuyển	9.496.172.515	5.982.998.791	3.513.173.724
Thiết bị văn phòng	4.505.966.051	4.341.874.003	164.092.048
Tài sản khác	2.480.307.637	1.501.883.983	978.423.654
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>46.340.523.753</b>	<b>19.614.633.726</b>	<b>26.725.893.027</b>
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	2.160.411.763	17.622.838.614
Phần mềm	26.557.276.376	17.454.221.963	9.103.054.413

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của TNG

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2020

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.067.180.938.827</b>	<b>843.484.619.971</b>	<b>1.223.696.318.856</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	970.838.474.383	249.565.087.824	721.273.386.559
Máy móc thiết bị	1.079.860.018.241	582.092.775.370	497.767.242.871
Phương tiện vận chuyển	9.496.172.515	5.982.998.791	3.513.173.724

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Thiết bị văn phòng	4.505.966.051	4.341.874.003	164.092.048
Tài sản khác	2.480.307.637	1.501.883.983	978.423.654
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>46.340.523.753</b>	<b>19.614.633.726</b>	<b>26.725.893.027</b>
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	2.160.411.763	17.622.838.614
Phần mềm	26.557.276.376	17.454.221.963	9.103.054.413

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của TNG

Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.448.035.344.631</b>	<b>1.001.015.918.075</b>	<b>1.447.019.426.556</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.146.481.504.275	296.959.434.052	849.522.070.223
Máy móc thiết bị	1.278.347.471.252	689.787.745.314	588.559.725.938
Phương tiện vận chuyển	8.890.863.927	6.286.957.296	2.603.906.631
Thiết bị văn phòng	4.739.648.805	4.542.734.042	196.914.763
Tài sản khác	9.575.856.372	3.439.047.371	6.136.809.001
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>47.422.684.488</b>	<b>22.924.888.211</b>	<b>24.497.796.277</b>
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	2.701.073.662	17.082.176.715
Phần mềm	27.639.434.111	20.223.814.549	7.415.619.562

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 14: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.448.035.344.631</b>	<b>1.001.015.918.075</b>	<b>1.447.019.426.556</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.146.481.504.275	296.959.434.052	849.522.070.223
Máy móc thiết bị	1.278.347.471.252	689.787.745.314	588.559.725.938
Phương tiện vận chuyển	8.890.863.927	6.286.957.296	2.603.906.631
Thiết bị văn phòng	4.739.648.805	4.542.734.042	196.914.763
Tài sản khác	9.575.856.372	3.439.047.371	6.136.809.001
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>47.422.684.488</b>	<b>22.924.888.211</b>	<b>24.497.796.277</b>
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	2.701.073.662	17.082.176.715
Phần mềm	27.639.434.111	20.223.814.549	7.415.619.562

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ Quý IV/2021 của TNG

8.3 Thị trường hoạt động

Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thị trường Châu Âu	1.737.263	37,7%	1.799.394	40,2%	2.010.790	36,9%
2	Thị trường Bắc Mỹ (Mỹ + Canada)	2.227.140	48,3%	2.097.321	46,8%	2.947.175	54,1%
3	Thị trường Nam Mỹ	61.401	1,3%	36.920	0,8%	51.993	1%
4	Thị trường Châu Á	282.512	6,1%	257.081	5,7%	296.645	5,4%
5	Thị trường Châu Úc	22.611	0,5%	9.827	0,2%	7.864	0,1%
6	Thị trường Châu Phi	16.210	0,4%	9.426	0,2%	14.621	0,3%
7	Thị trường Nội địa	265.087	5,7%	270.232	6,0%	117.051	2,1%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.612.224</b>	<b>100%</b>	<b>4.480.200</b>	<b>100%</b>	<b>5.446.139</b>	<b>100%</b>

Nguồn: TNG

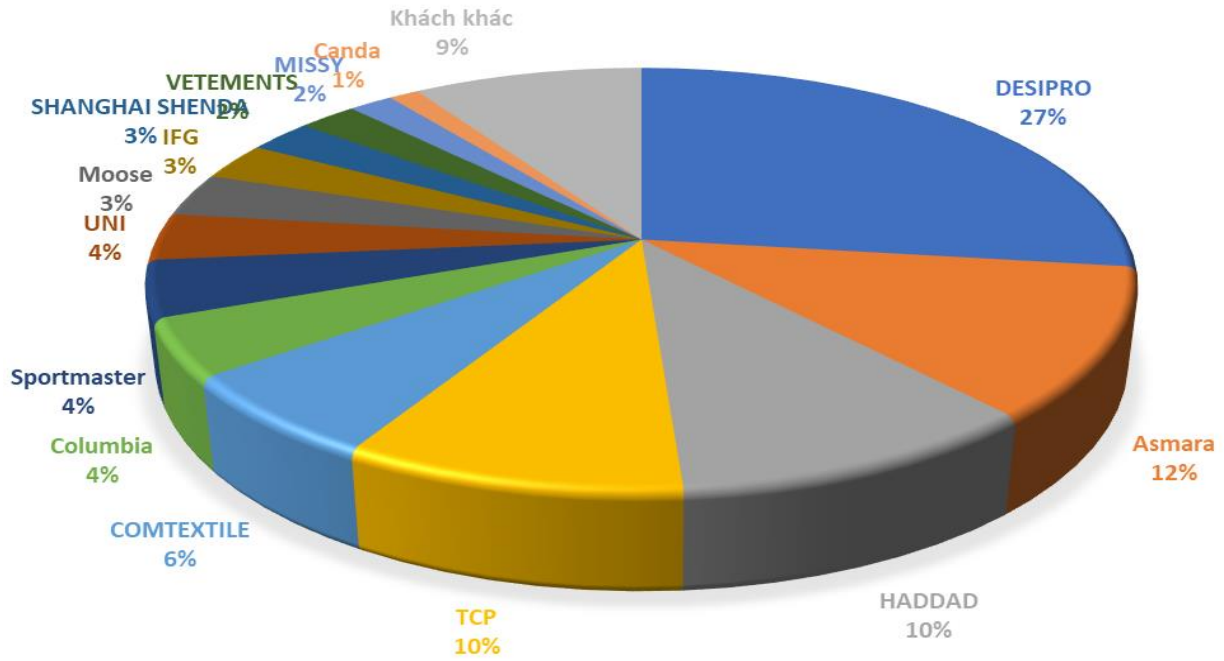
Bảng 16: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thị trường Châu Âu	1.737.263	37,7%	1.799.394	40,2%	2.010.790	36,9%
2	Thị trường Bắc Mỹ (Mỹ + Canada)	2.227.140	48,3%	2.097.321	46,8%	2.947.175	54,1%
3	Thị trường Nam Mỹ	61.401	1,3%	36.920	0,8%	51.993	1%
4	Thị trường Châu Á	282.512	6,1%	257.081	5,7%	296.645	5,4%
5	Thị trường Châu Úc	22.611	0,5%	9.827	0,2%	7.864	0,1%
6	Thị trường Châu Phi	16.210	0,4%	9.426	0,2%	14.621	0,3%
7	Thị trường Nội địa	265.087	5,7%	270.232	6,0%	117.051	2,1%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.612.224</b>	<b>100%</b>	<b>4.480.200</b>	<b>100%</b>	<b>5.446.139</b>	<b>100%</b>

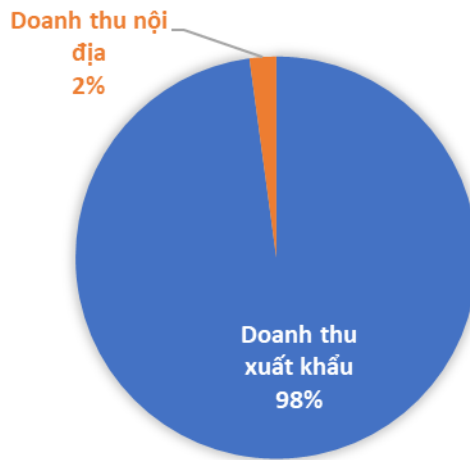
Nguồn: TNG

Biểu 01: Cơ cấu doanh thu theo khách hàng lớn năm 2021



Nguồn: TNG

Biểu 02: Cơ cấu doanh thu theo thị trường trong nước và nước ngoài năm 2021



Nguồn: TNG

Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thị trường Châu Âu	297.450	37,80%	273.763	40,50%	287.323	37,10%
2	Thị trường Bắc Mỹ	380.076	48,30%	321.080	47,50%	420.530	54,30%

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	(Mỹ + Canada)						
3	Thị trường Nam Mỹ	10.230	1,30%	4.056	0,60%	7.745	1,00%
4	Thị trường Châu Á	48.001	6,10%	33.798	5,00%	39.497	5,10%
5	Thị trường Châu Úc	3.148	0,40%	1.352	0,20%	774	0,10%
6	Thị trường Châu Phi	3.148	0,40%	1.352	0,20%	2.323	0,30%
7	Thị trường Nội địa	44.854	5,70%	40.557	6,00%	16.264	2,10%
<b>Tổng cộng</b>		<b>786.906</b>	<b>100,0%</b>	<b>675.957</b>	<b>100,00%</b>	<b>774.456</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: TNG

Bảng 18: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thị trường Châu Âu	297.450	37,80%	273.763	40,50%	287.323	37,10%
2	Thị trường Bắc Mỹ (Mỹ + Canada)	380.076	48,30%	321.080	47,50%	420.530	54,30%
3	Thị trường Nam Mỹ	10.230	1,30%	4.056	0,60%	7.745	1,00%
4	Thị trường Châu Á	48.001	6,10%	33.798	5,00%	39.497	5,10%
5	Thị trường Châu Úc	3.148	0,40%	1.352	0,20%	774	0,10%
6	Thị trường Châu Phi	3.148	0,40%	1.352	0,20%	2.323	0,30%
7	Thị trường Nội địa	44.854	5,70%	40.557	6,00%	16.264	2,10%
<b>Tổng cộng</b>		<b>786.906</b>	<b>100,0%</b>	<b>675.957</b>	<b>100,00%</b>	<b>774.456</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: TNG

#### 8.4 Các hợp đồng lớn

Bảng 19: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TNG trong giai đoạn 2019 - 2021

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
I	Hợp đồng đầu ra							

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
1	Hợp đồng nguyên tắc	Annex 06	19/12/2018	Quần áo thể thao	Desipro Pte, Ltd	31 Tangjong Pagar Road, #04-01, Singapore 088454	31/12/2020	1.572.112
2	Hợp đồng gia công	01-TNG/TCP 2020	01/01/2020	Quần áo trẻ em	The Children's Place services company, LLC	915 Secaucus road, secaucus, New Jersey 07094, USA	31/12/2020	655.847
3	Hợp đồng gia công	01/ASM-TNG/2020	20/01/2020	Quần áo thời trang	Asmara International Limited	Unit 8B, Tong yuen Factory Building, 505 Castle Peak Road, Lai Chi Kok, Kowloon, HongKong	20/01/2021	605.936
4	Hợp đồng gia công	01/Haddad - TNG/2020	04/01/2020	Quần áo trẻ em	The Haddad Apparell Group, LTD	100 West 33rd street, suite 1115, New York, NY 1001 USA	31/12/2020	413.888
5	Hợp đồng gia công	TNG01-COM/20	01/01/2020	Quần áo thời trang	Comtextile H.K. LTD	Flat P, 11/3 Kaiser Estate, Phase 3, 11 Hok Yuen Street, Hunghom, Kowloon, Hong Kong	31/12/2020	301.123
6	Hợp đồng gia công	SM19/018 0-SS20	09/04/2019	Quần áo thể thao	Sportmaster Ltd	Room 102, bld, 2,18 Miklukho - Maklaya, Moscow, 117437, Rusia	09/04/2021	162.551
<b>II</b>	<b>Hợp đồng đầu vào</b>							
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	035/21-DOM HANAM	31/03/2021	Dây kéo, đầu khóa, cúc, nút đóng..	Công ty TNHH YKK Việt Nam – Chi nhánh Hà	KCN Đồng Văn III, phường Hoàng Đông, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà	31/03/2022	Hợp đồng nguyên tắc



TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
					Nam	Nam, Việt Nam		
2	Hợp đồng nguyên tắc	01/TNG-JIAXING/2021	01/01/2021	Nguyên phụ liệu	Jiaxing HiFine International Enterprise Co.,LTD	233 Chagan Road(N), Wuyuan Street HaiYan Jiaxing, Zhejiang, China	30/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc
3	Hợp đồng nguyên tắc	01/TNG-CHANGSHU/2020	30/11/2020	Nguyên phụ liệu	Changshu Hongshuoxin Import&Export Co.,LTD	238 Shali Road, ShaJiabang Town Changshu City Jiangshu, China	30/11/2021	Hợp đồng nguyên tắc
4	Hợp đồng mua bán hàng hóa	APP/LO/2021/120021	02/01/2021	Chỉ may, thêu, nguyên phụ liệu	Chi nhánh Công ty TNHH COATS Phong Phú	KCN dệt may Phố Nổi B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc
5	Hợp đồng mua bán	GTSDESI PRO 2021	02/01/2021	Nguyên phụ liệu	Desipro Pte, Ltd.	750B, Chai Chè Road #03-01, Singapore 469002	31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc

**8.5 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

**8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành may Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, TNG là một trong những doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam. Công ty đang có thế mạnh lớn khi các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark &

Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Xét về thị phần, Công ty chưa có thông tin cụ thể về vị trí thị phần của TNG trong ngành dệt may Việt Nam.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 12 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng kênh TNG Fashion Store hứa hẹn TNG tăng trưởng đột phá trong thời gian tới.

### **8.5.2 Triển vọng phát triển ngành**

Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2021 ước đạt 39 tỷ USD tăng 11,2% so với năm 2020 và tăng 0,3% so với năm 2019. Trong đó, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với 15,9 tỷ USD tăng 12% so với năm 2020, tiếp theo là thị trường EU đạt 3,7 tỷ USD tăng trưởng 14% so với năm 2020, Hàn Quốc đạt 3,6 tỷ USD và Trung Quốc là 4,4 tỷ USD, chủ yếu là xuất khẩu sợi.

Xét trong trung và dài hạn, ngành dệt may Việt Nam có triển vọng phát triển tương đối tốt nhờ nguồn nhân lực giá rẻ cũng như thuận lợi lớn nhờ việc ký kết các hiệp định EVFTA được hoàn thành.

#### ***Hiệp định EVFTA - Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu***

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình xuất nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

#### ***Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may***

Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014 Bộ trưởng Bộ Công thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản

xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam.

### **8.5.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Hiện nay, trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên nhiên liệu tái tạo.

Đối với Việt Nam, tại Đại hội nhiệm kỳ VI (2020 - 2025) và tổng kết năm 2020 của Hiệp hội Dệt may Việt Nam diễn ra ngày 12/12 tại Hà Nội, mục tiêu đến năm 2025 xuất khẩu của ngành sẽ đạt 55 tỷ USD; trong đó, các sản phẩm chính bao gồm: xơ, sợi các loại đạt 4.000 tấn, vải đạt 3.500 triệu m<sup>2</sup>, sản phẩm may hơn 8.500 sản phẩm.

Theo thông tin từ Đại Hội này, Bộ Công thương cũng đang tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, tháo gỡ khó khăn về cơ chế chính sách cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp dệt may; xây dựng và sớm hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Theo đó, nhà nước dự kiến quy hoạch và xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp dệt may lớn, có hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu hút các dự án dệt nhuộm; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới. Trong những năm tới, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, Công ty cũng đã đầu tư các nhà máy sản xuất dệt may đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh và đang đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm nơi dự kiến sẽ xây dựng nhà máy xử lý nước thải và cấp nước đáp ứng yêu cầu cao của luật môi trường trong sản xuất dệt nhuộm.

### **8.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là TNG đã được đăng ký với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng ký Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

# TNG

### **8.7 Chiến lược kinh doanh**

Trong 05 – 10 năm tới, Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi của TNG vẫn là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và sẽ tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho TNG trong nhiều năm tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh

doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc, là giặt, bao bì, in, thêu, sau đó là bất động sản,...

TNG đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn như Decathlon, Columbia Sportswear, The Children’s Place, Capital, Itochu, Cahard, John New York, .... Các khách hàng này đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với công ty và đều đề nghị TNG tăng thêm sản lượng hàng năm. Bên cạnh đó, TNG cũng tăng cường chủ động cung cấp nguyên phụ liệu và chuyển dần sang làm mẫu phát triển để tăng giá trị lợi nhuận trên sản phẩm.

TNG có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

Nguồn vốn mà Công ty sử dụng trong thời gian tới đến từ nguồn vốn tự có của Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nguồn vốn vay ngân hàng thương mại hoặc các nguồn vốn huy động từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu khác.

**8.8 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ chức Phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.**

Không có. Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

**9. Thông tin về cổ đông lớn**

**9.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 14/01/2022**

*Bảng 20: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty*

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại (cổ phần)
1	Nguyễn Văn Thời	1958	Việt Nam	090117808	P. Phan Đình Phùng- TP. Thái Nguyên	16.702.689 (18,02%)
2	ASAM VIETNAM MEZZANINE FOCUS HEDGE FUND 1 (iv)		Hàn Quốc	CB8385	88, Uisadang-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Korea	7.093.012 (7,65%)
2	Nguyễn Đức Mạnh	1983	Việt Nam	019083000466	Số 434/1 Đường Bắc Kạn- TP. Thái Nguyên	6.529.614 (7,04%)
3	Trần Cảnh Thông	1963	Việt Nam	023324942	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng - 531 Nguyễn Duy Trinh - P.Bình Trưng Đông - Q.2 - TP.HCM	6.093.167 (6,57%)
	<b>Tổng cộng</b>					<b>36.418.482</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 14/01/2021 của công ty*

Ghi chú: (iv) Theo báo cáo về ngày không còn là cổ đông lớn của Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1 ngày 18/02/2021, Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1 đã giảm số lượng cổ phần TNG sở hữu xuống còn 4.500.012 cổ phiếu tương ứng chiếm tỷ lệ 4,85% vốn điều lệ của TNG. Do đó, Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1 không còn là cổ đông lớn của TNG kể từ ngày 18/02/2021.

**9.2 Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 01/10/2021**

Bảng 21: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
1	Đỗ Thị Hà	Nguyễn Văn Thời	Vợ	090513872	P. Phan Đình Phùng, Tp Thái Nguyên	1.742.109	Giữ chức vụ thành viên Ủy ban kiểm toán Thù lao năm 2021: 180.000.000 VNĐ
2	Nguyễn Đức Mạnh	Nguyễn Văn Thời	Con trai	019083000466	Tầng 6, số 434/1 đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Tỉnh Thái Nguyên	6.529.614	Tổng giám đốc Thù lao năm 2021: 2.361.004.666 VNĐ
3	Nguyễn Mạnh Linh	Nguyễn Văn Thời	Con trai	090972003	96 Minh Cầu, Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	3.878.069	Phó Tổng giám đốc Thù lao năm 2021: 1.227.489.956 VNĐ
4	Nguyễn Văn Thới	Nguyễn Văn Thời	Em trai	090784558	Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	659	Không
5	Nguyễn Thị Nhuận	Nguyễn Văn Thời	Em gái	091928825	Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú	214.010	Không



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
					Bình Thái Nguyên		
6	Nguyễn Thị Miên	Nguyễn Văn Thời	Em gái	091902622	TDP Bình Minh, P Bách Quang, TP Sông Công, Thái Nguyên	216.070	Không
7	Nguyễn Thị Miên	Nguyễn Văn Thời	Em gái	090688967	Tổ 20, Phường Phan đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên	66.593	Không
8	Nguyễn Văn Thời	Nguyễn Đức Mạnh	Bố	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	16.702.689	Chủ tịch HĐQT Thù lao năm 2021: 2.661.266.812 VNĐ
9	Đỗ Thị Hà	Nguyễn Đức Mạnh	Mẹ	090513872	P. Phan Đình Phùng, Tp Thái Nguyên	1.742.109	Giữ chức vụ thành viên Ủy ban kiểm toán Thù lao năm 2021: 180.000.000 VNĐ
10	Nguyễn Mạnh Linh	Nguyễn Đức Mạnh	Em trai	090972003	96 Minh Cầu, Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	3.878.069	Phó Tổng giám đốc Thù lao năm 2021: 1.227.489.956 VNĐ
11	Ngô Thị Thái	Trần Cảnh Thông	Vợ		8.07 Cao ốc Thịnh Vượng - 531 Nguyễn Duy Trinh - P. Bình Trưng	Không	Không

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
					Đông - Q.2 - TP.HCM		

**10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng**

**10.1 Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
5	Trần Cảnh Thông	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
8	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT
9	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT

**10.1.1 Ông Nguyễn Văn Thời - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CMND: 090117808 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 11/08/2014
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mở, cử nhân kinh tế, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
06/1982 - 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 - 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 - 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 - 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 - 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên



Thời gian	Nơi làm việc
2007 - 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2019 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
2019 - Nay	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
2019 - Nay	Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
2013 - Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
  - + Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
  - + Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
- Số cổ phần nắm giữ: 16.702.689 cổ phần (tương ứng 18,02% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 16.702.689 cổ phần (tương ứng với 18,02% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	1.742.109	1,88%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	6.529.614	7,04%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.878.069	4,18%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	659	0,0007%
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	214.010	0,23%
6	Nguyễn Thị Miện	Em gái	216.070	0,23%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	66.593	0,07%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 2.661.266.812 VNĐ.

#### 10.1.2 Ông Nguyễn Đức Mạnh - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CMTND: 090882528 - Nơi cấp: Thái Nguyên - Ngày cấp: 20/05/2013
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ Thông tin, cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 2014	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 - 05/2017	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2017 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Giám đốc - Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – Nay	Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TNG Fashion
- Số cổ phần nắm giữ: 6.529.614 cổ phần (tương ứng 7,04% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 6.529.614 cổ phần (tương ứng với 7,04% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	16.702.689	18,02%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.742.109	1,88%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	3.878.069	4,18%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 2.361.004.666 VNĐ.

**10.1.3 Bà Lương Thị Thúy Hà – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty**

- Họ và tên: Lương Thị Thúy Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1969
- Số CMTND: 090555417 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 23/06/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1992 – 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 04/2016	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2016 – 2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2018	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 557.438 cổ phần (tương ứng 0,6% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 557.438 cổ phần (tương ứng với 0,6% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 1.292.946.287 VNĐ.

#### 10.1.4 Ông Nguyễn Văn Đức – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1977
- Số CMTND: 090709267 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 01/11/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: kinh
- Địa chỉ thường trú: xã Quyết Thắng, TP.Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1997 – 2007	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2008 – 2011	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2016	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2016 – 05/2017	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
05/2017 – 06/2021	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Thành viên HĐQT – Chủ tịch công đoàn Công ty cổ phần Đầu tư và thương

Thời gian	Nơi làm việc
mại TNG	

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Công đoàn - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 170.281 cổ phần (tương ứng 0,18% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 170.281 cổ phần (tương ứng với 0,18% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 777.003.028 VNĐ.

**10.1.5 Ông Trần Cảnh Thông - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Trần Cảnh Thông
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1963
- Số CMND: 023324942 - Nơi cấp: TP, HCM - Ngày cấp: 17/03/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0767655611
- Địa chỉ thường trú: 351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3, TP, HCM
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
11/2004 - Nay	Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,
04/2004 –04/2009	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành – 2-4 Lư Văn Lang, P, Bến Thành, Q,1, Thành phố HCM
05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Hiện nay	Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,
Tháng 06/2021-nay	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG,
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.093.167 cổ phần (tương ứng 6,57% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 6.093.167 cổ phần (tương ứng với 6,57% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	-----------	---------	---------------------------------------	---------------------

1	Ngô Thị Thái	Vợ	0	0%
---	--------------	----	---	----

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

**10.1.6 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987
- Số CMTND: 090972003 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 01/03/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất - Rosingly Inc, New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất - Amerex Group LLC, New York, NY
2011 – 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất - Kenneth Cole Production, New York, NY
2013 – 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
02/2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên TNG Eco Green
10/2020 - Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên TNG Eco Green;
- Số cổ phần nắm giữ: 3.878.069 cổ phần (tương ứng 4,18% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 3.878.069 cổ phần (tương ứng với 4,18% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	16.702.689	18,02%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.742.109	1,88%
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	6.529.614	7,04%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 1.227.489.956 VNĐ.

**10.1.7 Ông Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986
- Số CMTND: 030086000194- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư- Ngày cấp: 03/07/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974238388
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010-12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
04/2012 - 06/2020	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 04/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
08/2018 - Nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
04/2019 - Nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 - Nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
10/2019 - Nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)



Thời gian	Nơi làm việc
05/2020 - Nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
  - + Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
  - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
  - + Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
  - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

**10.1.8 Ông Lê Quang Vinh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Lê Quang Vinh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/03/1969
- Số CMTND: 011928722 - Nơi cấp: Công An Hà Nội - Ngày cấp: 04/11/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: kinh
- Địa chỉ thường trú: phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: luật sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1988 – 1995	Bộ Ngoại Giao
1995 -2010	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại An Vinh
2011 – Nay	Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện
	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu
2017 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
  - + Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu



- Số cổ phần nắm giữ: 144 cổ phần (tương ứng 0,0002% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 144 cổ phần (tương ứng với 0,0002% vốn điều lệ).
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

**10.1.9 Bà Đỗ Thị Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Đỗ Thị Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1960
- Số CMTND: 090513872 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 13/11/2013
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2017 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 - Nay	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 1.742.109 cổ phần (tương ứng 1,88% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 1.742.109 cổ phần (tương ứng với 1,88% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Chồng	16.702.689	18,02%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	6.529.614	7,04%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.878.069	4,18%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

**10.2 Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
-----	-----------	---------

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Mạnh	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc
3	Trần Minh Hiếu	Phó Tổng giám đốc
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng giám đốc
5	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
6	Lưu Đức Huy	Phó Tổng giám đốc
7	Phạm Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
8	Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng giám đốc

**10.2.1 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**10.2.2 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Phó Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**10.2.3 Ông Trần Minh Hiếu – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Trần Minh Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1979
- Số CMTND: 091704585 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 08/08/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2011	Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2013	Giám đốc chi nhánh kinh doanh – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 69.917 cổ phần (tương ứng 0,08% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 69.917 cổ phần (tương ứng với 0,08% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 1.162.543.314 VNĐ.

**10.2.5 Bà Lương Thị Thuý Hà – Phó Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**10.2.6 Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Đoàn Thị Thu
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/06/1972
- Số CMTND: 090632991 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 20/07/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phú Xá, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1997	Cán bộ Xí nghiệp May Bắc Thái
1998 – 2002	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
2003 -2007	Cán bộ Công ty May Xuất khẩu Thái Nguyên
2008 – 2011	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2012 – 2014	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015 – 2016	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 125.805 cổ phần (tương ứng 0,14% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 125.805 cổ phần (tương ứng với 0,14% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 1.094.494.156 VNĐ.

**10.2.7 Ông Lưu Đức Huy – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Lưu Đức Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1970
- Số CMTND: 090652816 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 26/07/2007

- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
1994 – 1998	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
1998 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2001 – 2002	Trưởng Phòng Cơ điện Công ty May Thái Nguyên
2003	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2007 – 2010	Giám đốc Nhà máy Giặt – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011-2015	Giám đốc Nhà máy May Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015-2018	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 - Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG; Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 24.504 cổ phần (tương ứng 0,03% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 24.504 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 1.094.494.156 VNĐ.

**10.2.8 Ông Phạm Thanh Tuấn – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Phạm Thanh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/10/1983
- Số CMTND: 090881719 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 04/06/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0915600800
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Túc Duyên, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2005 – 2011	Nhân viên Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
2011– 05/2021	Giám đốc xí nghiệp may
06/2021– Nay	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 35.563 cổ phần (tương ứng 0,04% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 35.563 cổ phần (tương ứng với 0,04% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 707.559.777 VNĐ.

#### 10.2.9 Bà Nguyễn Thị Phương – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1973
- Số CMTND: 090888144 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 18/11/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0986507390
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2008	Cán bộ Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
01/2009 – 06/2009	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2009 – 12/2009	Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2010 – 9/2011	Phó Giám đốc xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
10/2011 – 12/2012	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2013 – 12/2015	Phó giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2016 – 05/2021	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 60.767 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 60.767 cổ phần (tương ứng với 0,07% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 948.025.942 VNĐ.

**10.3 Ủy ban Kiểm toán**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Cảnh Thông	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty
2	Đỗ Thị Hà	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán

Hai thành viên của Ủy ban kiểm toán hiện nay đều chưa đủ điều kiện là thành viên ủy ban kiểm toán theo quy định tại khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty sẽ bầu lại các thành viên Ủy ban kiểm toán đảm bảo quy định tại điều lệ công ty, luật doanh nghiệp, và khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 trong Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Sơ yếu lý lịch của bà Trần Cảnh Thông, Đỗ Thị Hà được trình bày tại mục thành viên Hội đồng quản trị

**10.4 Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng**

- Họ và Tên: Trần Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2016	Làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
2016 -2017	Phó Giám đốc chi nhánh thời trang TNGF của TNG
2018 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 80.826 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ). Trong đó:



- + Sở hữu cá nhân: 80.826 cổ phần (tương ứng với 0,09% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 844.369.803. VNĐ.

**11. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

*Bảng 20: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	16%	16%

*Nguồn: TNG*

**12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại**

Các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm liền trước đều được thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo như cam kết với người sở hữu trái phiếu.

**13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành**

**13.1. Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty**

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích(m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	Nhà máy may TNG Việt Đức	31/12/08	22/11/52	Sản xuất kinh doanh	1.000,00
		31/12/08	31/01/47	Sản xuất kinh doanh	8.846,90
2	Nhà máy may TNG Việt Thái	06/07/17	11/08/39	Thương mại dịch vụ	60,40
		06/07/17	11/08/39	Thương mại dịch vụ	81,00
		07/07/17	03/12/38	Sản xuất kinh doanh	1.900,50
		06/07/17	31/12/35	Sản xuất kinh doanh	84,00
		06/07/17	31/12/35	Sản xuất kinh doanh	10.706,00
3	Nhà máy TNG Đại Từ	29/07/16	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	45.376,50
		09/07/21	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	1.626,00

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích(m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
4	Nhà máy may TNG Sông Công	31/07/12	01/06/49	Đất khu công nghiệp	94.321,90
		14/01/13	01/06/49	Đất khu công nghiệp	
		14/01/14		Đất khu công nghiệp	
		29/08/18	01/09/49	Đất khu công nghiệp	33,60
		29/08/18	01/09/49	Đất khu công nghiệp	3.913,00
		29/08/18	01/09/49	Đất khu công nghiệp	22.696,40
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	236,70
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	1.783,80
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	3.808,50
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	1.864,50
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	171,60
		09/09/21	24/04/49	Đất khu công nghiệp	1,70
			01/09/49	Đất khu công nghiệp	32.568,80
		5	Nhà máy may TNG Phú Bình	07/03/11	02/11/59
07/03/11	02/11/59			Sản xuất kinh doanh	5.219,80
6	Nhà máy TNG Đồng Hỷ	05/06/19	28/3/2066	Sản xuất kinh doanh	12.760,70
		08/10/20	26/11/68	Sản xuất kinh doanh	21.335,90
		08/10/20	26/11/68	Sản xuất kinh doanh	115,40
		29/09/21	26/11/68	Sản xuất kinh doanh	2.736,50
7	Trụ sở công ty	28/12/16	20/11/65	Sản xuất kinh doanh	78,70
		28/12/16	20/11/65	Sản xuất kinh doanh	6.175,10
8	TNG Village 1	26/09/19	02/03/67	Đất ở đô thị	1.122,00
		26/02/20	02/03/67	Đất giao thông	1.576,70
		22/04/19	Lâu dài	Đất ở đô thị	75,20
9	Tòa nhà Village 2	02/03/17	02/03/67	Đất ở đô thị	961,70
		31/12/20	06/07/54	Sản xuất kinh doanh	332,70
10	Khu tập thể Phan đình phùng	31/12/08	06/07/54	Sản xuất kinh doanh	255,50
		04/12/19	09/06/53	Sản xuất kinh doanh	3.258,20
		12/08/21	05/08/56	Thương mại dịch vụ	971,50
<b>Tổng cộng</b>					<b>356.301,05</b>

Nguồn: TNG

**13.2. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Cho đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

*Bảng 21: Các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành*

TT	Nội dung	Dự nợ (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên (%/năm)	Kỳ trả lãi	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Ghi chú
1	TNG_CB_2018	68.000	4,8%	3 tháng	2018	2021	Trái phiếu chuyển đổi	(v)
2	TNG_BOND_2019_01	136.000	11,5%	3 tháng	2019	2022	Trái phiếu tron	
3	TNGH2023001	150.010	10%	3 tháng	2020	2023	Trái phiếu tron	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>354.010</b>						

**(v) Thông tin về trái phiếu chuyển đổi mã trái phiếu TNG\_CB\_2018**

- Mệnh giá phát hành: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: 200 trái phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ việc bán Trái phiếu: 200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn)
- Giá chào bán: Bằng mệnh giá
- Đối tượng chào bán: Riêng lẻ
- Kỳ hạn: 03 năm
- Ngày phát hành: 12/12/2018.
- Ngày đáo hạn: 12/12/2021.
- Lãi trái phiếu: 4,8%
- Tại ngày bản cáo bạch này, toàn bộ trái phiếu trên đã được chuyển đổi thành cổ phiếu.

**14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài

chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

**15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 03 năm gần nhất.**

*Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021*

*Đơn vị: Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	3.027.410.325.947	3.554.954.990.341	17,43%	4.367.431.010.241
Doanh thu thuần	4.612.223.735.592	4.480.199.673.570	-2,86%	5.443.927.130.535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	292.140.758.211	200.719.234.295	-31,29%	288.918.153.561
Lợi nhuận khác	(3.532.647.177)	(15.095.403.106)	327,31%	(7.423.248.393)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	288.608.111.034	185.623.831.189	-35,68%	281.494.905.168
Lợi nhuận sau thuế	230.111.112.269	153.603.282.678	-33,25%	232.802.069.945
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0%	-

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG*

*Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2019, 2020, 2021*

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	3.027.410.325.947	3.554.954.990.341	17,43%	4.367.431.010.241
Doanh thu thuần	4.612.223.735.592	4.480.199.673.570	-2,86%	5.443.927.130.535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	292.140.758.211	200.719.234.295	-31,29%	288.918.153.561

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Năm 2021
Lợi nhuận khác	(3.532.647.177)	(15.095.403.106)	327,31%	(7.423.248.393)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	288.608.111.034	185.623.831.189	-35,68%	281.494.905.168
Lợi nhuận sau thuế	230.111.112.269	153.603.282.678	-33,25%	232.802.069.945
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/ 2021 của TNG

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có.

## 1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

### ❖ Thuận lợi:

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2021, công ty đã đầu tư và tiến hành thi công Chi nhánh May TNG Võ Nhai 2, chi nhánh Phú Bình mở rộng, chi nhánh Sông Công mở rộng nâng tổng công suất thiết kế lên thành 324 chuyền may hiện đại và công nghệ quản lý tiên tiến. Mở rộng sản xuất bằng việc đầu tư mới với dây chuyền hiện đại sẽ giúp công ty nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng mới cũng như nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai;
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được kí kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 15.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;
- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

### ❖ Khó khăn

- Thương hiệu “TNG Fashion” tuy được các nhà nhập khẩu nước ngoài đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước, điều này chứng tỏ công tác quảng bá và phát triển thương hiệu chưa thực sự tốt;
- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác

tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;

- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho quá trình xuất khẩu của công ty.
- Đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát tại các thị trường xuất khẩu chính sẽ là một khó khăn lớn trong giai đoạn tới với công ty.

**2. Tình hình tài chính**

**2.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

**2.1.1 Tình hình công nợ**

**2.1.1.1 Các khoản phải thu**

*Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất*

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>			
Phải thu khách hàng	302.824.175.457	392.545.454.655	585.255.931.638
Trả trước người bán	7.473.372.031	4.161.812.843	48.645.203.680
Các khoản phải thu khác	53.845.036.503	56.857.440.608	94.974.238.706
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	(2.466.965.398)	(2.314.435.860)
<b>Tổng cộng</b>	<b>364.142.583.991</b>	<b>451.097.742.708</b>	<b>726.560.938.164</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG*

*Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ*

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>			
Phải thu khách hàng	302.824.175.457	392.545.454.655	585.255.931.638
Trả trước người bán	7.473.372.031	4.161.812.843	48.645.203.680
Các khoản phải thu khác	53.845.036.503	56.857.440.608	94.974.238.706
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	(2.466.965.398)	(2.314.435.860)
<b>Tổng cộng</b>	<b>364.142.583.991</b>	<b>451.097.742.708</b>	<b>726.560.938.164</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG*

*Bảng 26: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty hợp nhất*

*Đơn vị: đồng*



Chỉ tiêu	Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021		
	Giá gốc (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện công nghệ môi trường và biến đổi khí hậu	2.182.208.600	-	Dưới 2 năm
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132.227.260	-	Dưới 1 năm
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.466.965.398</b>		

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG  
Bảng 27: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021		
	Giá gốc (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện công nghệ môi trường và biến đổi khí hậu	2.182.208.600	-	Dưới 2 năm
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132.227.260	-	Dưới 1 năm
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.466.965.398</b>		

Nguồn: BCTC riêng năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG

### 2.1.1.2 Các khoản phải trả

#### ❖ Vay ngắn và dài hạn

Bảng 28: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.050.792.460.988</b>	<b>1.155.023.775.970</b>	<b>1.485.710.354.436</b>
	<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>903.296.052.227</b>	<b>1.087.281.468.381</b>	<b>1.329.396.387.322</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	426.028.658.421	362.214.774.655	461.793.602.597
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	445.711.551.257	698.319.420.417	751.856.315.721
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	19.160.820.562	1.051.145.540	45.239.503.733
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái	12.045.971.987	0	69.715.650.438

TT	Đối tượng	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
	Nguyên			
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Thái Nguyên	0	0	45.721.768.566
6	Các khoản vay ngắn hạn khác	349.050.000	25.696.127.769	309.050.000
	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>147.496.408.761</b>	<b>67.742.307.589</b>	<b>156.313.967.114</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên	27.799.272.040	12.089.961.000	93.424.748.694
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	25.012.124.528	16.467.294.398	5.838.762.956
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	70.147.692.193	30.439.858.533	10.301.764.272
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	24.537.320.000	8.745.193.658	46.748.691.192
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>0</b>	<b>127.000.000.000</b>	<b>136.000.000.000</b>
5	Trái phiếu đến kỳ hạn	0	127.000.000.000	136.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.050.792.460.988</b>	<b>1.282.023.775.970</b>	<b>1.621.710.354.436</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 29: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.050.792.460.988</b>	<b>1.155.023.775.970</b>	<b>1.485.710.354.436</b>
	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>903.296.052.227</b>	<b>1.087.281.468.381</b>	<b>1.329.396.387.322</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	426.028.658.421	362.214.774.655	461.793.602.597
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	445.711.551.257	698.319.420.417	751.856.315.721
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt	19.160.820.562	1.051.145.540	45.239.503.733

TT	Đối tượng	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
	Nam – CN Thái Nguyên			
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	12.045.971.987	0	69.715.650.438
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Thái Nguyên	0	0	45.721.768.566
6	Các khoản vay ngắn hạn khác	349.050.000	25.696.127.769	309.050.000
	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>147.496.408.761</b>	<b>67.742.307.589</b>	<b>156.313.967.114</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên	27.799.272.040	12.089.961.000	93.424.748.694
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	25.012.124.528	16.467.294.398	5.838.762.956
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	70.147.692.193	30.439.858.533	10.301.764.272
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	24.537.320.000	8.745.193.658	46.748.691.192
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>0</b>	<b>127.000.000.000</b>	<b>136.000.000.000</b>
5	Trái phiếu đến kỳ hạn	0	127.000.000.000	136.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.050.792.460.988</b>	<b>1.282.023.775.970</b>	<b>1.621.710.354.436</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG

❖ **Trái phiếu chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Như đã trình bày tại điểm 13 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 30: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>			
Phải trả cho người bán	228.968.414.715	410.418.072.190	684.290.803.577
Người mua trả tiền trước	1.541.917.761	29.724.503.476	4.362.358.117

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>			
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	22.573.780.044	11.360.012.396	14.129.529.710
Phải trả người lao động	59.043.353.646	32.722.320.900	58.613.285.891
Chi phí phải trả	34.572.497.229	39.128.141.563	42.446.225.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.820.990.085	17.454.743.093	17.072.612.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>360.520.953.480</b>	<b>540.807.793.618</b>	<b>820.914.815.220</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG  
 Bảng 31: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>			
Phải trả cho người bán	228.968.414.715	410.418.072.190	684.290.803.577
Người mua trả tiền trước	1.541.917.761	29.724.503.476	4.362.358.117
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	22.573.780.044	11.360.012.396	14.129.529.710
Phải trả người lao động	59.043.353.646	32.722.320.900	58.613.285.891
Chi phí phải trả	34.572.497.229	39.128.141.563	42.446.225.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.820.990.085	17.454.743.093	17.072.612.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>360.520.953.480</b>	<b>540.807.793.618</b>	<b>820.914.815.220</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ **Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và công ty con:**

Không có.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Thu khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm cả giá trị gia tăng áp dụng là 10%. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021 như sau:

Bảng 32: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.096.415.766	10.637.214.385	13.047.869.270
2	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.235.743.404	560.185.339	921.720.929
4	Thuế nhà thầu	0	0	0
5	Các loại thuế khác	241.620.874	162.612.672	159.939.511
<b>Tổng cộng</b>		<b>22.573.780.044</b>	<b>11.360.012.396</b>	<b>14.129.529.710</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán công ty năm 2019 và 2020 và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 33: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.096.415.766	10.637.214.385	13.047.869.270
2	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.235.743.404	560.185.339	921.720.929
4	Thuế nhà thầu	0	0	0
5	Các loại thuế khác	241.620.874	162.612.672	159.939.511
<b>Tổng cộng</b>		<b>22.573.780.044</b>	<b>11.360.012.396</b>	<b>14.129.529.710</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán công ty năm 2019 và 2020 và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau

Bảng 34: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Quỹ đầu tư phát triển	107.333.985.855	193.024.556.843	200.704.720.977
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.300.927.810	13.460.159.082	144.162.925
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.001.078.262	53.506.633.875	61.186.798.009
<b>Tổng cộng</b>		<b>152.635.991.927</b>	<b>259.991.349.800</b>	<b>262.035.681.911</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán công ty năm 2019 và 2020 và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 35: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Quỹ đầu tư phát triển	107.333.985.855	193.024.556.843	200.704.720.977
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.300.927.810	13.460.159.082	144.162.925
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.001.078.262	53.506.633.875	61.186.798.009
<b>Tổng cộng</b>		<b>152.635.991.927</b>	<b>259.991.349.800</b>	<b>262.035.681.911</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán công ty năm 2019 và 2020 và BCTC riêng Quý IV/2021

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2021)

Không có

## 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,13	0,93	0,83
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,52	0,37	0,35
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,68	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,84	2,10	1,99
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,45	3,71	4,03
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,52	1,26	1,25
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	2,89	2,63	2,69
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	4,99%	3,43%	4,28%
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	21,57%	13,38%	15,92%
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	7,60%	4,32%	5,33%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán công ty năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý IV/2021 của TNG

Bảng 37: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ



Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,13	0,93	0,83
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,52	0,37	0,35
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,68	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,84	2,10	1,99
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,45	3,71	4,03
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,52	1,26	1,25
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	2,89	2,63	2,69
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	4,99%	3,43%	4,28%
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	21,57%	13,38%	15,92%
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	7,60%	4,32%	5,33%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán Công ty năm 2019, 2020, BCTC riêng Quý IV/2021 của TNG

### 3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

#### ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2020

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm

tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019**

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2019**

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Báo cáo soát xét hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021**

**Kết luận của Kiểm toán viên:**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

❖ **Báo cáo soát xét riêng lẻ 06 tháng đầu năm 2021**

**Kết luận của Kiểm toán viên:**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng lẻ giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng lẻ giữa niên độ.

**4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm**

Không có

**5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

*Bảng 38: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ*

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022	
		Số liệu năm 2021 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2020	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần (*)	4.480	5.444	21,52%	5.990	10,03%

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022	
		Số liệu năm 2021 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2020	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021
Lợi nhuận sau thuế	154	233	51,30%	279	19,74%
Vốn điều lệ	740	927	25,27%	1.001	7,98%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,44%	4,28%	24,42%	4,66%	8,88%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	20,81%	25,13%	20,78%	27,90%	11,11%
Tỷ lệ cổ tức (*)	16%	16%	-	16%	0%

Nguồn: TNG

Ghi chú: Kế hoạch kinh doanh được Ban Lãnh Đạo Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (dự kiến tổ chức ngày 24/04/2022)

**Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên**

Cơ sở để HĐQT của công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

**Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:**

- Các chi nhánh phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt chuẩn không dưới 97%;
- Đảm bảo ngày giao hàng gốc cho khách hàng đạt 100%.

**Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:**

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: “không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo qui định của pháp luật”;
- Tăng thu nhập cho người lao động: Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với qui định của nhà nước;
- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động;
- Bổ sung thêm xe đưa đón công nhân.

**Không ngừng cải tiến hệ thống, tăng năng suất lao động bình quân:**

- Sắp xếp nhà máy theo tiêu chuẩn - 5S;
- Áp dụng sản xuất tinh gọn theo – LEAN nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất;
- Cải tiến phương pháp quản lý máy móc thiết bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo dưỡng;
- Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

**Thực hiện quản trị công ty theo tiêu chuẩn ERP:**

- Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau.

***Tập trung đầu tư tăng chuyên may nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:***

- Khai thác hết các công suất các nhà máy hiện có và tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 Chi nhánh may Đại Từ và Đồng Hỷ theo đúng lộ trình;
- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp tại các thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty như Mỹ, châu Âu. Công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì doanh thu xuất khẩu trong năm 2021, tuy nhiên, doanh thu nội địa đang có xu hướng tăng và công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực có thể mạnh như quần áo văn phòng. Bên cạnh đó, công ty đầu tư mạnh vào kênh bán hàng trực tuyến và các sản phẩm khẩu trang kháng khuẩn nhằm phục vụ nhu cầu trong nước.
- Phát triển các dự án bất động sản đang triển khai
- Trong năm 2021-2022, công ty tiếp tục triển khai Dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm với diện tích 75 ha. Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 80% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Dự kiến, doanh thu của dự án sẽ được ghi nhận chủ yếu trong năm 2022 và 2023.

**❖ *Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.***

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2021 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**6. *Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo***

Hiện nay, Tổ Chức Phát Hành chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng nào khác trong vòng 3 năm tiếp theo.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Tên trái phiếu:** Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG năm 2021
2. **Mã trái phiếu:** TNGH2226001
3. **Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không được bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.

### Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành;
- Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào;
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

### 4. **Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu**

### 5. **Tổng số lượng trái phiếu chào bán**

- Số lượng trái phiếu chào bán: 3.000.000 trái phiếu;
- Số đợt phát hành: 01 đợt.

### 6. **Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.**

### 7. **Kỳ hạn trái phiếu: 04 năm.**

### 8. **Lãi suất cố định:**

#### 8.1. *Lãi suất*

Lãi suất cố định: 10%/năm.

#### 8.2. *Tiền lãi*

- Trái phiếu sẽ được hưởng lãi cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (gọi chung là “Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu”).
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu trừ khi tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào ngày đó không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * \text{Số ngày dư nợ thực tế})/365$$

Trong đó, số ngày dư nợ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Hạn Trả Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.

- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * \text{Số ngày quá hạn thực tế})/365$$

Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

## 9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

### 9.1. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

### 9.2. Thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD).

- Gốc lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSD vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán/ Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan.
- Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.
- Thanh toán vào Ngày Làm Việc

Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).

## 10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu

## 11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trái phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ít nhất ngang bằng với các khoản nợ khác và các nghĩa vụ khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Công ty cổ phần Đầu



Tư và Thương Mại TNG (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật)”.  
12. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu

### 12.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ Trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSD sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

#### a) Quyền Sở Hữu

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSD, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSD và SGDCK;

#### b) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- ii. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản trên, Tổ Chức Phát Hành không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- iv. Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- v. Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

#### c) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- i. Ít nhất 18 (mười tám) Ngày Làm Việc trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Mua Lại theo thỏa thuận hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo Ngày Chốt Danh Sách trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó;
- ii. Việc thanh toán gốc lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, VSD, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;

#### d) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo đúng các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu;

#### e) Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.



## 12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy đăng ký mua Trái Phiếu;
- c) Lập tức hoãn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- d) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có sự thay đổi/chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành);
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực và hiệu lực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- f) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- g) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;
- h) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;
- i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;
- j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và quy định của pháp luật. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

## 12.3. Các quyền, lợi ích, nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

## 13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Không có

## 14. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

### 14.1. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

- Tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành của mỗi đợt phát hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại Trái Phiếu với các điều kiện sau:
- Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc khi thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu nói trên.
- “Ngày mua lại” là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại và thanh toán Trái Phiếu trước hạn. Ngày mua lại được quy định tại văn bản gửi Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Trong trường hợp, Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần số Trái Phiếu đang lưu hành và số Trái Phiếu mà Những Người Sở Hữu Trái Phiếu bán lại lớn hơn số Trái Phiếu được chào mua theo Thông Báo Mua Lại, thì khi đó số Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại sẽ được xác định theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó so với tổng số Trái Phiếu của toàn bộ những Người

Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và nếu cần thiết, được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.

- “Giá Mua Lại” được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó chưa được thanh toán đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại
- Cụ thể:

$$\begin{array}{rcccccc} \text{Giá mua} & & \text{Mệnh giá} & & & & \text{Số ngày năm giữ thực} \\ \text{lại mỗi} & = & \text{trái phiếu} & + & \text{Mệnh giá trái} & * & \text{tế} \\ \text{trái} & & \text{năm giữ} & & \text{phiếu năm} & * & \\ \text{phiếu} & & \text{thực tế} & & \text{giữ thực tế} & * & \\ & & & & & & \hline & & & & & & 365 \end{array}$$

Trong đó: Số ngày năm giữ thực tế sẽ được tính từ và bao gồm ngày đã trả lãi gần nhất đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại.

- Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ tự động hết hiệu lực.
- Tổ chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi thực hiện mua lại kể từ thời điểm chuyển tiền thanh toán đầy đủ giá trị mua lại vào Tài Khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

#### 14.2. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Tổ Chức Phát Hành không được mua lại Trái Phiếu trước hạn khi Trái Phiếu chưa được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu đó nắm giữ vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định việc có thực hiện việc mua lại Trái Phiếu được chào bán đó hay không.
- Trong trường hợp quyết định mua lại, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện thông báo và chào mua công khai với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại. Trên cơ sở khối lượng và giá Trái Phiếu được những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và tổng mệnh giá và giá Trái Phiếu dự kiến mua lại từ Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định khối lượng, giá mua lại và thời điểm mua lại Trái Phiếu (trong trường hợp tổng mệnh giá Trái Phiếu đăng ký bán lại tại một mức giá cụ thể lớn hơn tổng mệnh giá Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành quyết định mua lại thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân bổ khối lượng Trái Phiếu được mua lại tại mức giá đó cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó so với tổng số Trái Phiếu của toàn bộ những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và nếu cần thiết, được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.
- Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo cùng điều kiện và điều khoản và theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu hiện hữu.
- “Giá Mua Lại” được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó chưa được thanh toán đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại
- Cụ thể:

$$\begin{matrix} \text{Giá mua} & & \text{Mệnh giá} & & & & \text{Số ngày nắm giữ thực} \\ \text{lại mỗi} & = & \text{trái phiếu} & + & \text{Mệnh giá trái} & * & \text{Lãi suất} & * & \text{Số ngày nắm giữ thực} \\ \text{trái} & & \text{nắm giữ} & & \text{phiếu nắm} & & (10\%/năm) & & \text{tế} \\ \text{phiếu} & & \text{thực tế} & & \text{giữ thực tế} & & & & \text{tế} \\ & & & & & & & & \hline & & & & & & & & 365 \end{matrix}$$

*Trong đó: Số ngày nắm giữ thực tế sẽ được tính từ và bao gồm ngày đã trả lãi gần nhất đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại.*

- Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ tự động hết hiệu lực.
- Tổ chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi thực hiện mua lại kể từ thời điểm chuyển tiền thanh toán đầy đủ giá trị mua lại vào Tài Khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

**14.3. Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm**

Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành.

**15. Sự kiện vi phạm**

**15.1. Sự kiện vi phạm**

Bất kỳ sự kiện nào sau đây được gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”

(i) *Không thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái phiếu:*

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào có liên quan và việc không thanh toán đó không được khắc phục trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc từ ngày đến hạn đó;

(ii) *Vi phạm mục đích phát hành:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành nêu tại Phương án phát hành và Bản Cáo Bạch và vi phạm vẫn tiếp diễn và không được khắc phục trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về vi phạm đó từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc cấp có thẩm quyền;

(iii) *Mất khả năng thanh toán:* Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán hoặc không thể thanh toán, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc lâm vào tình trạng khác phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản với Tổ Chức Phát Hành của chủ nợ nói chung theo quy định của pháp luật về phá sản và vi phạm đó vẫn tiếp diễn và không được khắc phục trong bảy (07) ngày làm việc;

(iv) *Phá sản, giải thể:* Nếu có lệnh hoặc một nghị quyết được thông qua về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc khi Tổ Chức Phát Hành đã tiến hành bất cứ thủ tục phá sản, thanh lý hay giải thể nào (trừ khi Tổ Chức Phát Hành được thanh lý liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất và công ty được thành lập sau khi sáp nhập, hợp nhất tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu); hoặc

- (v) *Cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ*: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên, hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác đối với trên 51% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán tại thời điểm gần nhất của Tổ Chức Phát Hành và việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc từ ngày bắt đầu;
- (vi) *Ngừng hoạt động kinh doanh*: Tổ Chức Phát Hành ngừng hoạt động, tạm ngừng hoặc có kế hoạch tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động của mình, hoặc bất cứ hành động hoặc thủ tục nào được Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện hoặc tiến hành dẫn tới việc Tổ Chức Phát Hành ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh như được tiến hành vào Ngày Phát Hành;
- (vii) *Vi phạm các nghĩa vụ khác*: Tổ Chức Phát Hành vi phạm cam kết hoặc nghĩa vụ của mình trong bất kỳ Các Điều Khoản Trái phiếu này hoặc Bản Cáo Bạch (mà không phải là các nghĩa vụ được điều chỉnh bởi các Sự Kiện Vi Phạm nêu trên) mà vi phạm đó không có khả năng khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào.
- (viii) *Bất hợp pháp*: Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều khoản Trái phiếu này trở nên bất hợp pháp.

## 15.2. Biện pháp xử lý khi có sự kiện vi phạm

Ngoài các biện pháp xử lý và chế tài quy định tại các điều khoản khác của Các Điều Khoản Trái Phiếu và quy định pháp luật liên quan, nếu xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm thì áp dụng biện pháp xử lý tương ứng dưới đây:

Nếu xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào khác mà không phải Sự Kiện Vi Phạm “*Không thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái phiếu*” quy định tại điều 15.1 (i) thì:

Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được thanh toán bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành (“*Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn*”); và Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu được yêu cầu đang lưu hành tại thời điểm đó.

## 16. Phương thức phân phối

- Các Trái Phiếu được bán cho nhà đầu tư thông qua đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán MB.  
Các trách nhiệm của đại lý phân phối bao gồm các công việc sau:
  - ✓ Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư;
  - ✓ Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của Công ty;
  - ✓ Cập nhật định kỳ danh sách đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành trong quá trình chào bán.
- Bảo lãnh phát hành: Không.

## 17. Đăng ký mua trái phiếu

### 17.1. Thời hạn chào bán:

Sau khi Tổ Chức Phát hành nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái phiếu ra công chúng

(“Bản Thông báo Phát hành”) theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua trái phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông báo phát hành cho đến ngày kết thúc thời hạn phân phối trái phiếu. Tuy nhiên, thời gian đăng ký mua trái phiếu có thể kết thúc sớm hơn trước khi kết thúc Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu khi số lượng Trái Phiếu mà các nhà đầu tư đăng ký mua bằng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng nhưng đảm bảo thời gian đăng ký mua Trái phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi ngày).

#### 17.2. Tổng số lượng Trái phiếu chào bán: 3.000.000 (ba triệu) Trái phiếu.

#### 17.3. Đối tượng đăng ký mua: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

#### 17.4. Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.000 Trái Phiếu tương đương 100.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) mệnh giá Trái Phiếu.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 200 Trái Phiếu tương đương 20.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*) mệnh giá Trái Phiếu.

#### 17.5. Phương thức đăng ký mua

Trái phiếu được phân bổ cho nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Đại lý phát hành sẽ phân phối trên cơ sở số trái phiếu chào bán và tỷ lệ số trái phiếu đăng ký của từng đối tượng so với tổng số đăng ký theo công thức sau:

$$\text{Số trái phiếu nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số trái phiếu chào bán} \times \text{Số trái phiếu từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số trái phiếu các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Trường hợp, trái phiếu chia theo tỷ lệ bị lẻ đến hàng đơn vị, Đại lý phát hành sẽ cắt bỏ số trái phiếu lẻ đến hàng thập phân của những nhà đầu tư có số lượng đặt mua ít để dồn vào cho nhà đầu tư có số lượng đặt mua cao nhất (ưu tiên số lượng) trong số những người đặt mua; trường hợp có nhiều nhà đầu tư cùng có khối lượng đặt mua lớn như nhau, thì số lượng trái phiếu lẻ cộng dồn sẽ được phân phối cho nhà đầu tư đăng ký mua sớm hơn (ưu tiên thời gian);

Để tránh nhầm lẫn, việc đăng ký mua Trái phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành và hợp lệ khi nhà đầu tư đăng ký thông qua Đại lý Phát hành và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định, việc đăng ký coi như không có giá trị.

#### 17.6. Phương thức thanh toán

Nhà đầu tư đăng ký và chuyển khoản tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành với thông tin như dưới đây:

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Số tài khoản: 115002863926
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên.



**17.7. Phương thức chuyển giao**

Trái Phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký tại VSD.

**17.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu**

- (i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu theo cách thức và thời hạn như sau:
  - Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
  - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.
- (ii) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng tỷ lệ đặt mua của từng Nhà đầu tư. Số tiền thừa do Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư cao hơn so với Trái Phiếu được phân phối sẽ được trả lại cho Nhà Đầu Tư theo cách thức và thời gian như sau:
  - Thời gian: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
  - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

Trong trường hợp số lượng Trái Phiếu được phân bổ cho Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu thì Nhà đầu tư vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

**18. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu**

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu của UBCKNN	T
2	Công bố thông tin về việc chào bán	Từ T+1 đến T+5
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu: nhà đầu tư bắt đầu đăng ký mua và nộp tiền (*)	Từ T+1 đến T+21
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu	T+22
5	Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành	Từ T+23 đến T+26
6	UBCKNN ra công văn chấp thuận kết quả chào bán	T+30
7	Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu cho nhà đầu tư	Từ T+30 đến T+60
8	Tổ chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	T+30
9	Tổ Chức Phát Hành hoàn thiện thủ tục niêm yết	T+65



**19. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Trái phiếu được tự do chuyển nhượng. Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, toàn bộ Trái phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký với VSD và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội.

**20. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu**

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Số tài khoản: 115002863926
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên.

**21. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức Phát hành:**

Không có.

**22. Các loại thuế có liên quan**

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

**(a) Thuế thu nhập cá nhân**

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

**(c) Thuế giá trị gia tăng**

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

**(d) Khấu trừ thuế**

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế. Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSD ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

**23. Thông tin về các cam kết****23.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư:**

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

**23.2. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán:**

Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSD nhưng không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

**23.3. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:**

- Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Tổ Chức Phát Hành hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết;
- Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty sẽ bầu lại các thành viên Ủy ban kiểm toán đảm bảo quy định tại điều lệ công ty, luật doanh nghiệp, và khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 trong Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ sửa đổi điểm h, khoản 2, Điều 27 của Điều lệ Công ty phù hợp với điểm d, khoản 2, Điều 138 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Chính phủ ban hành ngày 17/06/2020 tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**24. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

Không có.

**25. Địa chỉ đăng ký**

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu được ghi dưới đây:

**Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG**

Địa chỉ: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : +84 2083 858 508

Website : <https://tng.vn/>

Người nhận : Phòng kiểm toán nội bộ, 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

## **26. Luật điều chỉnh**

Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

## VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Kế hoạch sử dụng vốn

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Giá trị	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên	100	Quý II/2022– Quý IV/2022
2	Thanh toán tiền nguyên phụ liệu	200	
2.1	Công ty TNHH YKK Việt Nam – chi nhánh Hà Nam	100	
2.2	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	50	
2.3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Dũng	50	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	

Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này sẽ được ưu tiên sử dụng cho các mục đích trên với thứ tự ưu tiên giảm dần như sau (i) Thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên (ii) Thanh toán tiền nguyên phụ liệu theo thứ tự ưu tiên giảm dần từ 2.1 đến 2.3 như bảng trên.

#### 1.1. Thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên

Căn cứ vào thực tế tình hình chi trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty năm 2021, mỗi tháng Công ty thường chi trả hơn 100 tỷ đồng tiền lương cho cán bộ công nhân viên. Do đó, Công ty dự kiến sử dụng 100 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ để thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên vào tháng liền sau tháng nhận được tiền từ phát hành trái phiếu.

#### 1.2. Đối với việc thanh toán tiền nguyên phụ liệu

Nhu cầu mua nguyên phụ liệu của Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương mại TNG với các đối tác nêu trên trong năm 2020, 2021 như sau:

STT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị nguyên vật liệu mà TNG đã mua từ đối tác	
			Trong năm 2020 (đồng)	Trong 2021 (đồng)
1	Công ty TNHH YKK Việt Nam – chi nhánh Hà Nam	Khóa	139.068.476.316	232.084.655.514
2	Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	Chỉ may	48.723.739.741	77.076.346.491

STT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị nguyên vật liệu mà TNG đã mua từ đối tác	
			Trong năm 2020 (đồng)	Trong 2021 (đồng)
3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Dũng	Chỉ may/Dây chun	51.567.817.814	60.861.322.605
	<b>Tổng cộng</b>		<b>239.360.033.871</b>	<b>370.022.324.610</b>

*Căn cứ vào nhu cầu mua nguyên vật liệu của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG với các đối tác nêu trên năm 2021, Công ty dự kiến sử dụng 200 tỷ đồng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này để thanh toán tiền nguyên phụ liệu cho các nhà cung cấp, cụ thể như sau:*

STT	Nội dung	Giá trị	Số hợp đồng và ngày	Giá trị hợp đồng (đồng)	Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan đến Công ty
2	Thanh toán tiền nguyên phụ liệu	200			
2.1	Công ty TNHH YKK Việt Nam – chi nhánh Hà Nam	100	HN 035/21-DOM HANAM Ngày 31/03/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2.2	Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	50	APP/LO/2022/120021 ngày 02/01/2022	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2.3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Trung Dũng	50	01/TNG-TD/2022 ngày 03/01/2022	Hợp đồng nguyên tắc	Không

## 2. Kế hoạch trả nợ

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 03 tháng/lần. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- Thanh toán gốc: Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bao gồm (i) nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm thời trang xuất khẩu, (ii) nguồn thu từ hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản (iii) các nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn.

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Thời gian trả nợ: theo quy định tại Điều Kiện 9, Mục VI Bản Cáo Bạch này.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN****Tổ chức tư vấn****Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

**Tổ chức kiểm toán****Báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 được kiểm toán bởi:****Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 7105000 Fax : (84-24) 6288 5678

Website : [www.deloitte.com.vn](http://www.deloitte.com.vn)

**Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng**

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG và đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB có một số nhận định như sau:

Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 300 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu 4 năm, không tài sản bảo đảm, lãi suất cố định 10%/năm với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc phát hành trái phiếu từ đợt phát hành này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của công ty.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



**X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN MB  
Phó Giám đốc Khối Dịch vụ NHDT**



Nguyễn Thị Thanh Vân

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG  
Chủ tịch HĐQT**



Nguyễn Văn Thời

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Mạnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

**XI. PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 3611/TNG-ĐHĐCĐ 2021 ngày 11/10/2021  
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 171121/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 về việc thông qua toàn văn phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.  
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 280101/NQ-HĐQT ngày 28/01/2022 về việc thông qua Các Điều Kiện Trái phiếu;  
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 230202/NQ-HĐQT ngày 23/02/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết HĐQT số 280101/NQ-HĐQT ngày 28/01/2022;  
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 230203/NQ-HĐQT ngày 23/02/2022 về việc thông qua hồ sơ chào bán trái phiếu ra công chúng.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý IV năm 2021.
5. **Phụ lục V:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn.